

# TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



## BẢN CHẤT CỦA TÀI CHÍNH

2008

# **CHƯƠNG I. SỰ RA ĐỜI, PHÁT TRIỂN VÀ BẢN CHẤT CỦA TÀI CHÍNH.**

## **I. QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TÀI CHÍNH.**

### **1. Sự ra đời của tài chính.**

Sự ra đời của tài chính gắn với sự xuất hiện giai cấp, xuất hiện nhà nước. Khi lực lượng sản xuất đã phát triển với một trình độ khá cao.

Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, lực lượng sản xuất chưa phát triển, của cải làm ra được phân phối bình đẳng giữa các thành viên và chưa có sự tích lũy để tái sản xuất. Mọi quan hệ kinh tế được biểu hiện dưới hình thái hiện vật. Nhìn chung đây là một nền kinh tế mông muội nhất mở đầu cho các thiết chế kinh tế xã hội sau này và tài chính cũng chưa xuất hiện.

Lực lượng sản xuất càng phát triển phá vỡ các quan hệ sản xuất cũ. Chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã thay vào đó là chế độ chiếm hữu nô lệ của cải làm ra ngày càng nhiều hơn và phương pháp mang tính chất không bình đẳng. Trong xã hội xuất hiện kẻ giàu người nghèo, và xuất hiện giai cấp. Để bảo vệ lợi ích của giai cấp mình và thống trị xã hội, giai cấp thống trị thành lập nhà nước đề ra những luật lệ có lợi cho giai cấp họ và để có nguồn thu cho ngân sách nhà nước thuế ra đời. Thuế là hình thức biểu hiện đầu tiên của tài chính, nó thể hiện các quan hệ kinh tế cá nhân tổ chức.

### **2. Sự phát triển của tài chính.**

Sự phát triển của tài chính gắn liền với sự phát triển của nền sản xuất hàng hoá. Điển hình là ngành thuế với sự xuất hiện ngày càng nhiều loại thuế khác nhau xuất hiện các quỹ tiền tệ bên cạnh đó tín dụng cũng phát triển với nhiều loại hình như tín dụng thương mại, ngân hàng, và bảo hiểm: ngày này các quốc gia trên thế giới đều coi chính sách tài chính tiền tệ là một công cụ để điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

## **II. BẢN CHẤT CỦA TÀI CHÍNH.**

Tài chính là một phạm trù kinh tế của nền kinh tế hàng hoá là hệ thống các quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình phân phối sản phẩm xã hội trên cơ sở đó các quỹ tiền tệ được hình thành phân phối và sử dụng để đáp ứng nhu cầu của hàng hoá và xã hội.

- Hệ thống các quan hệ kinh tế giữa nhà nước và nhà nước khác trong quá trình vay mượn viện trợ.

- Hệ thống các quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức kinh tế xuất hiện khi nhà nước thực hiện cấp vốn cho tổ chức kinh tế thuộc sở hữu nhà nước.

Đối với các tổ chức kinh tế khác quan hệ này xuất hiện khi nhà nước trợ giúp tổ chức cho doanh nghiệp.

- Quan hệ kinh tế giữa nhà nước với các NHTM, cơ quan nhà nước.

- Quan hệ kinh tế giữa các tổ chức kinh tế khác nhau và giữa các tổ chức kinh tế với cá nhân.

\* Đặc điểm: Các quan hệ này luôn gắn liền với sự hoàn thành và sử dụng các quỹ tiền tệ.

## CHƯƠNG II. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH.

### I. HỆ THỐNG TÀI CHÍNH.

#### 1. Vai trò của hệ thống tài chính trong nền kinh tế.

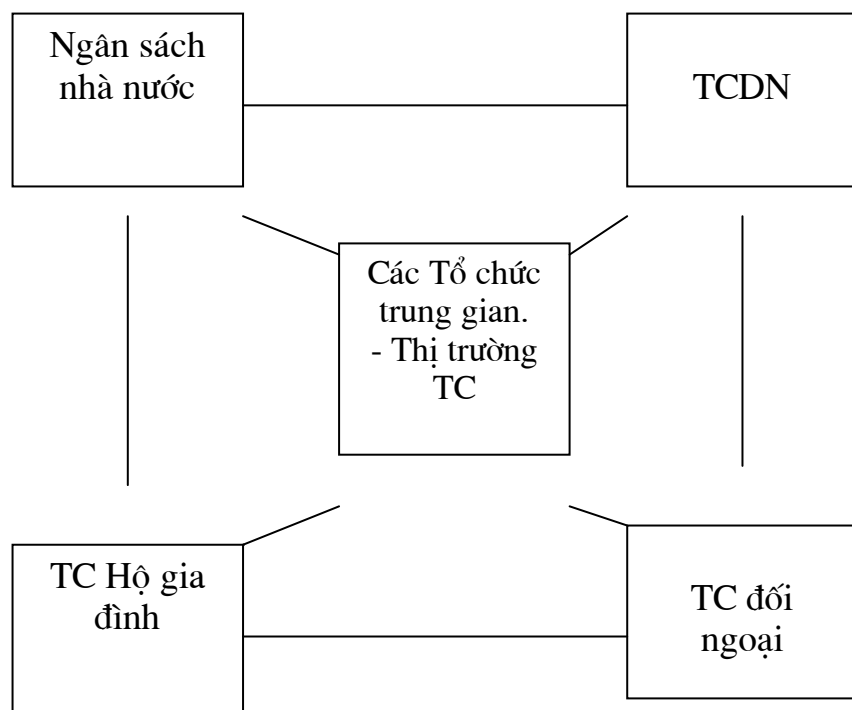
Hệ thống tài chính là tổng thể của các bộ phận khác nhau trong một cơ cấu tài chính mà ở đó các quan hệ tài chính hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau. Chúng có mối quan hệ và tác động lẫn nhau theo những quy luật nhất định:

Tạo ra các nguồn vốn cho nền kinh tế.

Đồng thời nó tạo ra sức thu hút các nguồn vốn đó.

Luân chuyển vốn giữa các bộ phận trong hệ thống tài chính đó.

#### 2. Cơ cấu của hệ thống tài chính.



### ***2.1. Ngân sách nhà nước:***

Đây là khâu tài chính giữ vị trí trung tâm và chủ đạo trong toàn bộ hệ thống tài chính (bởi vì nó chi phối và điều chỉnh tài chính khác).

Hoạt động của ngân sách nhà nước đặc biệt là quá trình chi tiêu và huy động thu nhập (thuế) có tác động đến các mục tiêu kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng... trong mọi thời kỳ.

### ***2.2. Tài chính doanh nghiệp.***

Đây là bộ phận cơ sở trong toàn bộ hệ thống tài chính (bởi vì từng doanh nghiệp nó là những tế bào kinh tế mà ở đó xảy ra hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, sản phẩm quốc dân. Mặt khác nguồn tích lũy tạo ra từ các doanh nghiệp đó là nguồn hình thành các quỹ vốn).

Hoạt động theo nguyên tắc hướng tới lợi nhuận cao.

### ***2.3. Tài chính đối ngoại.***

Nó phụ thuộc vào quan hệ kinh tế giữa đất nước với các quốc gia trên thế giới:

- Quan hệ tiếp nhận vốn vay viện trợ giữa các nhà nước với nhau.
- Quan hệ thanh toán giữa các nhà nước với các tổ chức nước ngoài.

- Hoạt động chuyển tiền và tài sản của các cá nhân ở nước ngoài vào trong nước.

- Hoạt động thực hiện những hợp đồng bảo hiểm và tái bảo hiểm giữa các cá nhân trong nước với công ty bảo hiểm nước ngoài.

#### ***2.4. Tài chính hộ gia đình.***

Đây là bộ phận cơ sở nhưng mang tính chất phân tán rất lớn nguồn tích lũy tạo ra trong hộ gia đình khác nhau.

Việc huy động và sử dụng quỹ tích lũy trong hộ gia đình là dựa trên nguyên tắc tự nguyện.

#### ***2.5. Các tổ chức tài chính trung gian và thị trường tài chính.***

Đây là bộ phận luân chuyển vốn trong nền kinh tế là cầu nối trung gian kết nối những người cần vốn và có vốn nhàn rỗi. Thông qua hoạt động tài chính trung gian hoặc hoạt động trực tiếp trên thị trường tài chính.

Các tổ chức tài chính trung bao gồm các tổ chức tài chính chính thức và các tổ chức tài chính không chính thức:

##### ***a) Các tổ chức tài chính chính thức:***

###### ***a.1. Các ngân hàng thương mại:***

Trong số các tổ chức tài chính trung gian, hệ thống các ngân hàng thương mại chiếm vị trí quan trọng nhất cả về quy mô và về thành phần các nghiệp vụ (Có và Nợ).

Hoạt động của ngân hàng thương mại bao gồm 3 lĩnh vực nghiệp vụ, nghiệp vụ Nợ (huy động vốn); nghiệp vụ có (cho vay vốn) và nghiệp vụ môi giới trung gian (dịch vụ thanh toán, đại lý, tư vấn, thông tin, giữ hộ chứng từ và vật quý giá...)

Ở nước ta, đa số các ngân hàng hiện nay là ngân hàng chuyên doanh do Nhà nước cấp vốn hoạt động (ngân hàng nông nghiệp, ngân hàng công thương, ngân hàng ngoại thương...), hệ thống các chi nhánh của chúng lại được bố trí theo địa giới hành chính, nên chưa phát huy được đầy đủ vai trò của mình do nội dung hoạt động bị hạn chế, chất lượng và kỹ thuật phục vụ thấp, không có yếu tố cạnh tranh và không bám sát được sự phát triển của thị trường.

Để khắc phục cần sớm hình thành và phát triển các ngân hàng cổ phần đặc biệt là các ngân hàng kinh doanh tổng hợp.

#### *a.2) Các CTTC:*

Các CTTC thu hút vốn bằng cách phát hành thương phiếu hoặc cổ phiếu và trái khoán và dùng tiền thu được để cho vay (thường là các món tiền nhỏ) đặc biệt thích hợp với các nhu cầu của các doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Quá trình trung gian tài chính của các CTTC có thể được mô tả bằng cách nói rằng họ vay những món tiền lớn nhưng lại thường cho vay những món tiền nhỏ - một quá trình hoàn toàn khác với quá trình của những ngân hàng thương mại, các ngân hàng này phát hành các món tiền gửi với số lượng tiền nhỏ và sau đó thường cho vay với món tiền lớn.

### *a.3) Các hợp tác xã tín dụng:*

Các hợp tác xã tín dụng là tổ chức tín dụng thuộc sở hữu tập thể, được thành lập chủ yếu theo nguyên tắc góp vốn cổ phần.

### *b. Các tổ chức tài chính không chính thức.*

Các tổ chức tài chính không chính thức tồn tại dưới nhiều hình thức mà trước hết và quan trọng nhất là các công ty bảo hiểm.

## **II. CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA:**

### **1. Mục tiêu của chính sách tài chính quốc gia:**

Chính sách tài chính quốc gia là tổng hợp các chủ trương, đường lối, phương hướng và biện pháp về tài chính của đất nước trong một thời gian tương đối lâu dài.

Chính sách tài chính quốc gia hướng tới một số mục tiêu cơ bản sau:

- Nhằm tăng cường tiềm lực tài chính của đất nước trong đó đặc biệt là tiềm lực ngân sách nhà nước và tài chính doanh nghiệp.

- Đổi mới cơ chế hoạt động tài chính trong nền kinh tế nhưng phải đảm bảo sự đồng bộ cao.

- Góp phần vào việc kìm chế và đẩy lùi lạm phát trong nền kinh tế.

- Chính sách tài chính quốc gia nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn trong nền kinh tế.

### **2. Những nội dung cơ bản của chính sách tài chính quốc gia.**



## ***2.1. Chính sách về vốn đầu tư phát triển.***

- Xác định nhu cầu về vốn đầu tư phát triển: xác định vốn mà nền kinh tế quốc gia đòi hỏi trong mỗi giai đoạn để thực hiện vấn đề kinh tế, chính trị của giai đoạn đó.

- Đưa ra phương án sử dụng và mức phân bổ vốn đầu tư trong nền kinh tế cho các ngành, khu vực, dự án.

## ***2.2. Chính sách về ngân sách nhà nước.***

- Chính sách về quản lý điều hành thu ngân sách nhà nước.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các chính sách chế độ tập trung nguồn thu cho ngân sách nhà nước, bên cạnh đó cũng chú ý đến nuôi dưỡng nguồn thu.

- Chính sách về quản lý và điều hành chi ngân sách nhà nước phải làm thế nào giảm thấp nhất tính bao cấp trong chi tiêu của ngân sách nhà nước.

- Chính sách về cân đối ngân sách nhà nước.

## ***2.3. Chính sách về tài chính doanh nghiệp.***

Tích cực mở rộng tăng cường quyền tự chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp đặc biệt doanh nghiệp nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính và nhà nước giảm bao cấp về vốn cho các doanh nghiệp lớn.

Đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước thì hoàn thiện hệ thống pháp luật để kiểm tra, kiểm soát đối với các doanh nghiệp này.

## ***2.4. Chính sách về tài chính đối ngoại.***

- Chính sách xuất - nhập khẩu

Tăng cường đầu tư cho việc xuất khẩu sản phẩm hàng hoá, hạn chế việc khẩu nguyên liệu đặc biệt nguyên liệu chưa qua chế biến.

Hạn chế việc nhập khẩu các hàng hoá tiêu dùng đặc biệt là hàng hoá tiêu dùng trong nước mà chúng ta đã sản xuất được.

- Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Chiến lược cho vay và trả nợ nước ngoài.

***2.5. Chính sách liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng:***

- Kiện toàn và hệ thống các ngân hàng

- Kiện toàn và tổ chức lại các tổ chức trung gian phi ngân hàng.

## **CHƯƠNG III. CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH**

### **I. VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CTTC TRONG HỆ THỐNG TÀI CHÍNH.**

#### **1. Vị trí của các CTTC trong hệ thống tài chính.**

Trong hệ thống các tổ chức tín dụng, ngoài ngân hàng thương mại, còn hàng loạt các tổ chức khác như các CTTC, các hợp tác xã tín dụng, các hội cho vay, các quỹ hỗ trợ ... Trong đó các CTTC là các hội thương mại, hoạt động chủ yếu của chúng là thu hút vốn để đóng góp và quản lý các dự án đầu tư, cho vay để mua bán hàng hoá, dịch vụ. Trên cơ sở đó nó tạo ra vô số các quan hệ kinh tế chuyển biến tích cực làm cho hệ thống tài chính trở nên rộng lớn và bao quát hơn.

Ngoài dịch vụ cho vay tín dụng, các CTTC còn thực hiện hàng loạt các dịch vụ khác, như: cầm cố các loại hàng hoá, vật tư, ngoại tệ, các giấy tờ có giá trị và các dụng cụ bảo đảm khác, tư vấn và Marketing, giám định các công việc chuẩn bị để ký kết hợp đồng hoặc thành lập các công ty liên doanh.

Trên phương diện tính chất hoạt động của mình các CTTC huy động được nguồn vốn khổng lồ, điều hoà nguồn vốn một cách hiệu quả nhất từ đó tạo sự liên kết trong hệ thống tài chính.

Thông qua đó các CTTC bành trướng ngày càng lớn và nắm quyền kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) nhiều ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng. Nghĩa là hoạt động của các CTTC đã bao trùm lên

hoạt động của các ngân hàng thương mại để nắm giữ và chi phối hoạt động của các ngành kinh tế.

## **2. Vai trò của các CTTC.**

Một là, thúc đẩy nền kinh tế phát triển, tạo vốn cho nền kinh tế.

Nó cho phép sử dụng triệt để các nguồn vốn mà các công ty này đang nắm giữ. Đồng thời nó còn huy động thêm một lượng vốn quan trọng trong nền kinh tế vào quá trình lưu thông hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế, cùng với các định chế khác hoạt động kinh doanh tiền tệ của các định chế phi tài chính này làm phong phú thêm thị trường tài chính, làm sôi động thị trường tài chính tạo ra nguồn vốn lớn làm cho các doanh nghiệp để mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh.

Hai là, thúc đẩy hoạt động các ngân hàng thương mại mở rộng và hiện đại hoá hệ thống ngân hàng. Khi có nhiều định chế khác cùng hoạt động kinh doanh tiền tệ, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ mở rộng các dịch vụ thanh toán cho các định chế đó (vì đây là hoạt động độc quyền của ngân hàng thương mại). Cũng như cho các chủ thể khác đặc biệt là tổ chức thanh toán cho cá nhân. Hoạt động thanh toán phát triển là điều kiện tiên đề để hiện đại hoá hệ thống ngân hàng. Hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại cũng sẽ trở lại với hoạt động truyền thống của nó là cấp tín dụng ngắn hạn bằng các nguồn vốn rẻ nhất, nguồn vốn từ tổ chức thanh toán cho nền kinh tế. Ở đó ngân hàng thương mại sẽ là chủ thể có vị trí hàng đầu trong chiết khấu các giấy tờ có giá.

Ba là, tạo điều kiện cho việc điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương: Chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương luôn hướng về việc làm thế nào tạo ra một thị trường tiền tệ hoàn hảo hơn, trong đó có nhiều chủ thể cung ứng vốn cho nền kinh tế trên cơ sở khai thác các nguồn vốn có sẵn trong nền kinh tế, để cuối cùng có được một chính sách lãi suất hợp lý nhất. (Lãi suất hợp lý là lãi suất ở đó, cung cầu gặp nhau ở mức độ hoàn hảo nhất quyết định, không có độc quyền, hoặc cạnh tranh thiếu hoàn hảo).

Bốn là, đáp ứng đủ và kịp thời nhu cầu vốn với chi phí thấp nhất.

Năm là, khai thác được mọi nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh.

Sáu là, kinh dẫn các nguồn vốn đầu tư quốc tế cho các dự án đầu tư.

### **3. Sự khác nhau giữa CTTC với ngân hàng.**

Quá trình trung gian tài chính của CTTC có thể được mô tả bằng cách nói rằng, họ vay những món tiền lớn nhưng lại thường cho vay những món tiền nhỏ - Một quá trình hoàn toàn khác với quá trình của các ngân hàng này phát hành các món tiền gửi với số lượng tiền nhỏ và sau đó thường cho vay với món tiền lớn.

Một đặc điểm then chốt của các CTTC so với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tiết kiệm là ở chỗ họ gần như không bị điều hành.

Các CTTC không thực hiện các dịch vụ thanh toán và tiền mặt, không huy động tiền gửi tiết kiệm của dân và không sử dụng vốn vay của dân để làm phương tiện thanh toán. Các CTTC hoạt động bằng nguồn vốn của chính mình hoặc vay của dân cư bằng phát hành tín phiếu.

#### **4. Các loại hình CTTC.**

##### ***4.1. Các CTTC bán hàng.***

Các công ty này thực hiện các món cho vay cho những người tiêu dùng để mua các món hàng từ một nhà bán lẻ hoặc một nhà sản xuất riêng.

Các CTTC bán hàng trực tiếp cạnh tranh với các ngân hàng về cho vay tiêu dùng và được người tiêu dùng sử dụng bởi vì các món cho vay thường được thực hiện nhanh và tiện lợi hơn tại nơi mua hàng.

##### ***4.2. Các CTTC người tiêu dùng.***

Các công ty này thực hiện các món cho vay cho người tiêu dùng để mua những món hàng riêng, ví dụ như đồ đạc và các dụng cụ gia đình để cải thiện nhà cửa hoặc để giúp doanh nghiệp những món nợ nhỏ. Các CTTC người tiêu dùng là các công ty riêng biệt hoặc do các ngân hàng sở hữu. Nói chung, các công ty này cho những người tiêu dùng nào vay mà không có tín dụng từ những nguồn khác và thu các lãi suất cao hơn.

##### ***4.3. Các CTTC kinh doanh.***

Các công ty này cung cấp các dạng tín dụng đặc biệt cho các doanh nghiệp bằng cách mua những khoản tiền sẽ thu (các hoá

đơn nợ của hãng) có chiết khấu. Việc cung cấp tín dụng này được gọi là bao thanh toán.

## **II. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CTTC TRONG KHU VỰC VÀ TRÊN THẾ GIỚI.**

Các CTTC trong khu vực có trên thế giới, loại hình CTTC đã xuất hiện từ lâu ở các nước đã và đang phát triển và ngày càng có quy mô rộng lớn trên khắp thế giới.

### **1. CTTC ASEAN (AFC)**

CTTC ASEAN là công ty trách nhiệm hữu hạn được tổ chức theo sáng kiến của hội đồng hiệp hội ngân hàng ASEAN và được các Bộ trưởng tài chính ASEAN chấp thuận vào tháng 10/80.

Năm 1981 AFC chính thức được thành lập do các ngân hàng và các định chế tài chính từ năm nước thành viên ASEAN là Indonesia, Malaysia, Philipine, Singapore và Thái Lan với số vốn cổ phần được phép là 200 triệu USD, trong đó của Singapore hiện nay là 100 triệu USD Singapore.

Mục tiêu của AFC trở thành một định chế tài chính khu vực trong lĩnh vực hợp tác tài chính, thị trường vốn và cho vay hợp vốn nhằm:

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ASEAN.
- Hợp tác tài chính trong ASEAN nhằm gắn bó, liên kết các định chế tài chính trong ASEAN.
- Thúc đẩy xuất khẩu và thương mại của ASEAN.

- Huy động tài chính trong và ngoài ASEAN để tài trợ cho các dự án của các nước ASEAN.

Để thực hiện các mục tiêu trên AFC cung cấp các dịch vụ sau:

- Tư vấn tài chính và hợp tác.
- Tìm kiếm các dự án liên doanh.
- Tư vấn liên doanh và mua lại.
- Đầu tư trực tiếp.
- Tín dụng và tín dụng hợp vốn.
- Bảo lãnh.
- Giao dịch ngoại hối.
- Giao dịch các công cụ thị trường vốn và các dịch vụ tài chính phát sinh.
- Buôn bán, đầu tư chứng khoán.

### **Kết quả hoạt động những năm qua đã đưa lại cho AFC**

#### **kết quả tài chính như sau:**

Nghìn đô la Singapore	1995	1996	1997	1998	1999
Lợi nhuận ròng trước thuế và dự phòng	10014	10225	3630	4299	1328
Vốn cổ đông	12613 1	12972 9	107101	108509	108649

Cuối tháng 3 - 1999 AFC đã sang Việt Nam, thông qua Hiệp hội ngân hàng Việt Nam, AFC tổ chức họp mời các NHVN tham gia cổ phần AFC, số lượng cổ phiếu được chào bán là 20 triệu với



mệnh giá 1 SGD/ cổ phiếu với giá hiện nay là 1, 08SGD. Thời gian chào bán là 3 tháng ( song có thể kéo dài). AFC cũng đưa ra các phương thức hợp tác với các NHVN:

- Hợp tác với các NHVN
- NHVN giới thiệu AGD với khách hàng của mình (nhất là các khách hàng hoạt động xuất khẩu và khách hàng lớn)
- Từ vấn đề tái cơ cấu và làm sống lại các dự án đã bị trì hoãn của các NHVN.

Khi tham gia cổ phần AFD, các cổ đông sẽ có lợi ích sau:

- Có các cơ hội thắt chặt các quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong ASEAN.
- Khi thác tiềm năng và kinh nghiệm về tài chính, ngân hàng từ các nước ASEAN.
- Tiếp cận các nguồn đầu tư, thúc đẩy thương mại và xuất khẩu.
- Khai thác kỹ thuật và bí quyết của ASEAN.

## **2. Các CTTC trên thế giới.**

Trên thế giới sự xuất hiện và phát triển các CTTC diễn ra ngày càng nhiều. ở các tập đoàn sản xuất lớn như hãng General Motors ở Hoa Kỳ CTTC do hãng thành lập ngoài chức năng huy động cho công ty mẹ còn liên kết với đại lý bán lẻ và cung ứng vốn cho họ để họ bán hàng trả chậm cho các xí nghiệp nhỏ và vừa vay vốn với lãi suất vừa phải hơn để mua sắm thiết bị máy móc do chính công ty mẹ là General Motors sản xuất. Đây là chính sách kinh doanh hai chiều thường thấy ở các công ty hoặc tập đoàn sản

xuất lớn. Năm 80 các CTTC ở Hoa Kỳ có tổng vốn lên tới 200 tỷ USD ở Pháp các công ty này có quy mô nhỏ hơn vốn 42 tỷ FRF. Các CTTC ở Nhật, Singapore, Hàn Quốc cũng phát triển rất nhanh trong thời gian hai thập niên gần đây.

# **CHƯƠNG IV. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC CÔNG TY TÀI CHÍNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

## **I. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CTTC HIỆN NAY Ở VIỆT NAM.**

### **1. Khái quát chung:**

Do khả năng và nhu cầu tài chính ngày càng tăng, việc sử dụng khả năng tài chính và nhu cầu tài chính ngày một đa dạng hơn, các ngân hàng thương mại không đáp ứng đủ nhu cầu vì vậy từ rất sớm trên thế giới các CTTC đã ra đời. ở Thụy Điển, các CTTC được thành lập từ giữa những năm 60 và phát triển mạnh vào những năm 70. ở Nhật, các CTTC được thành lập từ những năm 50. ở Việt Nam, các CTTC mới được thành lập vào thời gian gần đây (1997), do mới bước đầu đi vào hoạt động cho nên nhìn chung phạm vi hoạt động đang còn bó hẹp, hiệu quả chưa cao.

### **2. Thực trạng của các CTTC.**

Hiện nay, các CTTC đang hoạt động tại Việt Nam có quy mô tương đối nhỏ, cơ sở pháp lý cho hoạt động của các công ty còn hạn hẹp và phần lớn đang hoạt động thí điểm dưới hai hình thức là CTTC cổ phần và CTTC trong tổng công ty.

Nội dung hoạt động của các CTTC cổ phần và CTTC trong tổng công ty được quy định như nhau, nhưng phạm vi hoạt động của chúng có khác nhau.

Phạm vi hoạt động của các CTTC trong tổng công ty chỉ bó hẹp trong tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên thuộc tổng công ty. Trong khi đó phạm vi hoạt động của các tổng công ty. Trong khi đó phạm vi hoạt động của các CTTC cổ phần thì rộng khắp tới mọi thành phần kinh tế



### ***2.1. CTTC cổ phần.***

Các CTTC cổ phần ở Việt Nam ra đời trên cơ sở nguồn vốn ban đầu của Nhà nước và vốn góp của nhân dân trong lĩnh vực đầu tư kinh tế. Thay vì đầu tư trực tiếp vào các cơ sở kinh tế, Nhà nước chuyển số vốn giành cho đầu tư kinh tế thành nguồn vốn cho vay đầu tư kinh tế của công ty (bên cạnh nguồn vốn huy động cổ phần khác).

Các công ty này đều mới được thành lập và đang trong tình trạng hoạt động thí điểm vì vậy quy mô hoạt động tương đối hẹp, lượng vốn hoạt động của các công ty này chưa được lớn. Phương thức hoạt động của các CTTC cổ phần hiện nay tại Việt Nam là dưới dạng cho vay đối với khách hàng để mua hàng hoá dịch vụ dưới dạng bán trả góp, hoạt động cho thuê tài sản. Hoạt động cho thuê tài sản của các công ty này có hai loại hình chủ yếu là: cho thuê vận hành và thuê mua.

#### ***2.1.1. Cho thuê tài chính và sự hoạt động của các công ty cho thuê tài chính.***

Cho thuê tài chính (Finance lease) là một hoạt động không thể thiếu với một nền kinh tế hiện đại. Doanh số của nền công nghiệp cho thuê tài chính trên thế giới trong những năm gần đây đã đạt tới

một con số kỷ lục 450 tỷ USD trong năm 1998 và vẫn đang tiếp tục tăng trưởng với tốc độ trung bình 7% hàng năm. Hoạt động thuê mua đang đạt được những bước tăng trưởng đầy ấn tượng ở các châu lục mới phát triển như Á, Phi... Riêng ở Việt Nam, ngay từ giữa năm 1995, sau khi Nghị định 64 (9/10/1995) của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của các công ty thuê tài chính ra đời, tiếp đó là Thông tư 03 (9/2/1996) và Luật các tổ chức tín dụng được áp dụng (01/10/1998), ngày càng có nhiều doanh nghiệp và ngân hàng quan tâm đến dịch vụ cho thuê tài chính (CTTC) như một phương thức tài trợ vốn trung và dài hạn có hiệu quả. Tính cho đến thời điểm cuối năm 1998, với sự khai trương của CTTC thuộc Ngân hàng đầu tư và phát triển đã chính thức đưa tổng số công ty CTTC ở Việt Nam lên tới 7 công ty, cùng với đó là một thị trường gồm hơn 6000 doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), và hàng chục ngàn doanh nghiệp cổ phần, trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã... đang đối vốn một cách trầm trọng để đầu tư đổi mới công nghệ.

Tiện ích mà nghiệp vụ cho thuê tài chính mang lại không phải nhỏ. Nó là một lối thoát cho cơn khát vốn gay gắt đang trói các doanh nghiệp. Song những gì đã và đang diễn ra lại không mang lại cho nghiệp vụ này một sự phát triển như mong muốn. Trước tình hình thuê và cho thuê hiện nay, phải khẳng định rằng đây là "Một thị trường đầy tiềm năng, nhưng đầu ra lại bế tắc". Đây là một điều đáng ngạc nhiên bởi CTTC có thể mang lại nhiều cho doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội thuận lợi để tìm kiếm nguồn vốn kinh doanh.

Theo khôn mẫu truyền thống hợp đồng thuê mua thường có 3 bên tham gia - bên cho thuê, bên thuê và người cung cấp máy móc. Khi ký hợp đồng, người thuê sẽ nhận được loại tài sản hoặc phương tiện theo thoả thuận ban đầu từ một nhà cung cấp. Người cho thuê sẽ đứng ra thanh toán cho nhà cung cấp và trở thành chủ sở hữu hợp pháp của tài sản này cho đến khi người thuê quyết định mua lại hoặc không mua lại tài sản vào thời điểm đáo hạn hợp đồng thuê. Không cần phải đầu tư một lượng vốn lớn ban đầu nhưng người thuê vẫn có loại tài sản mà mình mong muốn. Về phần mình người cho thuê có thể thu được lợi nhuận qua loại tín dụng khá an toàn (có thể coi chính tài sản cho thuê và vật đảm bảo, khi cần thiết có thể thu hồi) mà mình đã cấp cho người thuê. Tất nhiên nếu chỉ tồn tại duy nhất một hình thức như vậy thì có lẽ CTTC không có điểm gì nổi bật hơn những loại hình tín dụng mà các ngân hàng thương mại vẫn cung cấp cho khách hàng (Nếu không muốn nói là không tiện ích bằng). Tuy nhiên, bằng các dạng thức linh hoạt của mình, CTTC tỏ ra đặc biệt thích hợp với những doanh nghiệp đang ở trong giai đoạn tái cấu trúc và cơ cấu lại dây chuyền sản xuất. Với các doanh nghiệp Việt nam hiện nay, nhu cầu đầu tư máy móc thiết bị không ngừng tăng qua các năm không chỉ vì hiện trạng của các doanh nghiệp hiện tại mà còn vì con số ngày càng tăng các doanh nghiệp mới được thành lập. Với một thị trường như vậy, đáng ra trong thời gian qua có thể tìm được những cơ hội phát triển nhảy vọt. Nhưng trên thực tế mọi việc đã không diễn ra như vậy. Theo chúng tôi tựu trung lại ở một số nguyên nhân chính sau:

Thứ nhất, do nghiệp vụ này hiện nay chưa được xã hội chấp nhận rộng rãi. Trên thực tế, tại các doanh nghiệp, số người hiểu đúng bản chất của CTTC hầu như chưa có. Theo như các doanh nghiệp đang đến xin liên hệ thuê tại công ty CTTC I - Ngân hàng Nông nghiệp (NHNo), họ mới chỉ dừng ở mức nhìn nhận tài trợ CTTC như một dạng mua trả góp. Điều này bắt nguồn từ chỗ, do nghiệp vụ này còn quá mới, chưa đem lại một cái nhìn mang tính phổ thông cho các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hiện nay. Bên cạnh đó, số lượng cán bộ được đào tạo nắm bắt đầy đủ về CTTC ngay tại các công ty CTTC cũng không phải là nhiều. Hơn nữa, theo Nghị định 64, thời hạn cho thuê một tài sản ít nhất phải bằng 60% thời gian khấu hao tài sản thuê, cộng vào đó là tư duy mua trả góp, vô hình chung đã dựa đến cho người xin thuê một nhận thức sai lệch rằng chỉ sau thời hạn cho thuê đó họ mới được hưởng lợi ích từ khoản thời gian khấu hao còn lại. Như vậy có thể nói rằng, hiện nay nghiệp vụ này đang là một loại hàng hoá mới mẻ không chỉ đối với người tiêu dùng nó mà ngay cả đối với người bán nó.

Song trở ngại lớn nhất đối với sự phát triển của hoạt động CTTC hiện nay, theo đánh giá của cả hai bên thuê và cho thuê là do giá cho thuê quá cao. Lấy ví dụ tại công ty CTTC I hiện nay, lãi suất cho thuê được xác định bằng lãi suất cho vay cùng kỳ hạn cộng với chi phí cho thuê, cùng với phí bảo hiểm. Như vậy, mức lãi suất cho thuê phải dao động từ 1,4% - 1,5%/tháng, mới bảo đảm đem lại kinh doanh có hiệu quả cho công ty. Do đó đối với các doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay, nếu sử dụng vốn vay ngân hàng với lãi suất trung dài hạn hiện thời là 1,2%/tháng, họ đã

khó khăn rồi, thì liệu với mức lãi suất cho thuê như trên thì liệu họ có thể gánh vác được không. Bên cạnh đó theo như đánh giá của các công ty CTTC, đối tượng khách hàng đang đặt vấn đề cho thuê của họ chủ yếu lại là các công ty tư nhân hay các công ty TNHH mới thành lập, như vậy đối tượng cần được phục vụ nhiều nhất là các DNNN lại chưa được tính tới. Điều này được lý giải chính một phần do lãi suất cho thuê quá cao nên không được tạo sự hấp dẫn đối với các doanh nghiệp này. Song một phần cũng từ các ưu tiên trong thể chế cho vay, nên các DNNN vẫn chưa nhìn nhận loại hình tài trợ này như một phương thuốc hữu hiệu cho mình. Thậm chí ngay cả đối tượng ngoài quốc doanh, bao gồm từ các công ty TNHH, cổ phần, HTX... cũng vẫn chỉ coi tài trợ cho thuê là phương thức cuối cùng của họ trong việc huy động vốn đầu tư cho sản xuất. Nghĩa là nếu còn được các ngân hàng chấp nhận cho vay thì họ đi vay hơn là cho thuê. Như vậy có thể thấy rằng sự phân bổ rủi ro và lợi ích giữa người thuê và người cho thuê hiện nay vẫn chưa đạt tới một mức độ có thể chấp nhận được cho cả đôi bên.

Một nguyên nhân khác khiến loại hình tài trợ này hiện nay cũng chưa thể đáp ứng nhu cầu vốn trung và dài hạn của nền kinh tế xuất phát từ chính các công ty cho thuê, trong đó vấn đề nổi cộm lên hàng đầu là sự tự trói buộc mình trong một khung pháp lý chưa đầy đủ. Chẳng hạn, đối với công ty CTTCI - NHNo đã đưa ra quy định trong thể lệ cho thuê, đòi hỏi khách hàng phải có báo cáo hai năm liên kế, với kết quả kinh doanh có lãi. Song trên thực tế có rất nhiều khách hàng không thoả mãn được điều kiện này, do đó có thể nói rằng hoạt động cho thuê hiện nay quá chú trọng đến lịch sử của người thuê hơn là tương lai của dự án thuê. Và do vậy



nếu xét trên ưu thế khách hàng của tài trợ CTTC là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thì điều này dường như không phù hợp, nếu trong trường hợp doanh nghiệp mới thành lập đến xin thuê.

Không chỉ dừng ở đó, sự bất cập hiện nay còn thể hiện ở thiếu đồng bộ giữa văn bản luật và dưới luật nhằm điều chỉnh hành vi nghiệp vụ này. Nếu như trong luật các tổ chức tín dụng cho phép tiến hành cho thuê với cả các đối tượng là tư nhân hay hộ gia đình, thì trong Nghị định 64 hay thông tư 03 lại chưa đề cập đến vấn đề này. Điều này đang thực sự đặt ra vấn đề khó xử cho các công ty CTTC, bởi nếu cho thuê đối với các khách hàng này theo luật thì lại không biết tiến hành theo thể chế nào, nếu thực hiện tốt cho thuê có lãi thì không sao, song nếu thua lỗ thì lại là sự thi hành trái các nguyên tắc quản lý. Chính điều này đã hạn chế rất lớn thị trường của các công ty, chẳng hạn như đối với công ty CTTC I - NHNo thì đó là mảng thị trường của các hộ nông dân với các máy nông cụ nhỏ...

Sự khó khăn của các công ty CTTC gặp phải còn do các văn bản pháp luật hiện nay chưa giải quyết tận gốc mối quan hệ giữa quyền sử dụng và quyền chiếm hữu. Vì vậy, vấn đề chuyển quyền sở hữu và các tài sản đi thuê sau khi kết thúc hợp đồng thuê vẫn đang cần được cân nhắc kỹ lưỡng, bởi kéo theo đó là hàng loạt các vấn đề về xác định giá trị tài sản còn lại, thuế trước bạ... Thêm vào đó, do pháp luật hiện hành không chấp nhận các bản sao giấy tờ sở hữu tài sản, nên đã đưa các công ty cho thuê vào thế bị động. Chẳng hạn khi công ty cho thuê một chiếc ô tô, thì người thuê khi vận hành xe lại cần phải có bản gốc các giấy tờ liên quan đến

chiếc xe, song điều đó lại đem lại rủi ro quá lớn cho công ty nếu khách hàng có hành vi lừa đảo.

Những khó khăn trên đặt ra không ít thách thức cho hoạt động thuê mua của các định chế ngân hàng và các công ty tài chính mới được thành lập. Tuy nhiên theo chúng tôi không phải là không có cách tháo gỡ cho những vướng mắc mà chúng tôi cho là chỉ tạm thời, bởi theo xu hướng tất yếu, sự tương hợp giữa cung và cầu sẽ thúc đẩy CTTC tìm được sự phát triển đúng tầm vóc của nó trong các nghiệp vụ tài chính hiện đại. Xin được nêu một số giải pháp.

Giải pháp đầu tiên đặt ra cho sự phát triển của thị trường thuê mua là vấn đề giá. Theo các phân tích ở trên, mức giá này hiện cao hơn nhiều so với lãi suất cho vay dài hạn. Trong tương quan so sánh, khách hàng sẽ chỉ lựa chọn hợp đồng thuê mua như một giải pháp sau cùng. Tuy nhiên thực tế hoạt động thuê mua ở các nước phát triển, giá của một hợp đồng thuê tài chính có thể không cao hơn nhiều so với lãi suất vay vốn cùng kỳ hạn. Khi một khách hàng tự vay vốn ngân hàng để tiến hành đầu tư máy móc thiết bị, có thể sẽ phải chịu nhiều chi phí trung gian trong quá trình mua bán. Trong khi đó các công ty tài chính với thế mạnh chuyên biệt trong hoạt động thuê mua và mối quan hệ với các nhà cung cấp, có thể loại bỏ được các chi phí này. Theo chúng tôi cách nhìn nhận của phía cung, tức các công ty tiến hành nghiệp vụ cho thuê tài chính ở Việt Nam hiện nay là không hợp lý. Hợp đồng cho thuê sẽ đem lại lợi nhuận cho phía cho thuê nếu hiện giá thuần của các khoản tiền bên thuê trả lớn hơn hoặc bằng toàn bộ các khoản chi phí hiện tại tại thời điểm bắt đầu hợp đồng. Điều đáng tranh luận là tỷ lệ chiết khấu, hay mức lãi suất (mức giá) ấn định của bên cho

thuê để làm cơ sở tính toán. Trong cùng điều kiện về môi trường kinh tế, nếu mức lãi suất cho vay dài hạn hiện tại là có khả năng mang lại lợi nhuận cho các ngân hàng thì chắc chắn nó cũng sẽ có khả năng mang lại lợi nhuận trong hoạt động thuê mua. Chưa kể tới việc nếu xét tới khía cạnh rủi ro, hợp đồng thuê mua mang lại ít rủi ro hơn nhiều so với hợp đồng cho vay tín dụng dài hạn. Tài sản cho thuê sẽ là một bảo đảm thế chấp chắc chắn nhất nếu người đi thuê không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ hợp đồng. Như thế hoàn toàn có thể tính giảm một phần lãi suất bù rủi ro cho các hợp đồng thuê tài chính so với các hợp đồng tín dụng dài hạn. Giải quyết được nút chặn về giá, thuê mua chắc chắn sẽ không còn bị xem là một sự lựa chọn sau cùng với các khách hàng đi thuê.

Một điểm khó khăn lớn nữa đã được đề cập là việc các khách hàng chưa thực sự hiểu đúng được tiện ích mà hợp đồng thuê mua đem lại, hay chưa thực sự hiểu được hợp đồng thuê mua. Không thể phủ nhận điều này do tính chất mới mẻ của hoạt động CTTC. Nhưng cũng phải khẳng định rằng, một phần nguyên nhân là do hình thức thuê mua mà các công ty tài chính hiện đang cung cấp không đủ khả năng thích ứng với điều kiện hiện tại của các công ty Việt Nam. Theo định hướng phát triển chung phần lớn trong số 5700 doanh nghiệp nhà nước sẽ được chuyển dần sang các thành phần kinh tế thích ứng. Để thực hiện được bước chuyển đổi thành công, các doanh nghiệp này cần có các nguồn lực bên trong đủ mạnh. Thế nhưng, kể từ sau Nghị định 388 - CP việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư dài hạn trong khu vực kinh tế này gặp rất nhiều khó khăn, bởi hầu như không có doanh nghiệp nào được cấp đủ 30% vốn hoạt động ban đầu theo quy định. Trong cơ cấu tài sản,

máy móc thiết bị hiện chỉ chiếm 26% tổng tài sản cố định (TSCĐ), với giá trị còn lại ở khu vực DNNN và ngoài quốc doanh tương ứng là 60.13%, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh cũng không hơn gì với tỉ lệ giá trị còn lại của máy móc thiết bị cũng chỉ xấp xỉ 87%. Khó khăn lớn nhất của hầu hết các công ty và vốn lưu động dành cho kinh doanh và đặc biệt là vốn dành cho tái đầu tư công nghệ. Hợp đồng cho thuê tài chính truyền thống đang áp dụng với sự tham gia của 3 bên - Bên cho thuê, bên đi thuê, nhà cung cấp sẽ không giúp được gì nhiều cho những doanh nghiệp đang cần có vốn lưu động. Theo chúng tôi, hoàn toàn có thể áp dụng một hình thức linh hoạt hơn - "Bán rồi cho thuê lại" - để giải quyết vấn đề này. Sở hữu chủ bán lại tài sản cho một công ty tài chính thuê mua và đồng thời ký kết một thoả ước thuê lại tài sản đó trong một thời gian nhất định dưới dạng một hợp đồng thuê mua. Tiềm ích chính mà nó cung cấp cho người thuê (người bán) là mang lại cho người thuê một khoản vốn cần thiết mà vẫn không mất quyền sử dụng tài sản đó. Tài sản dùng để giao dịch trong hình thức thuê này có thể là thiết bị mới hay thiết bị đã qua sử dụng nhưng vẫn còn hữu ích. Phương thức này theo chúng tôi là rất phù hợp với nền kinh tế Việt nam. Bằng một hợp đồng loại này, nhiều doanh nghiệp có thể tìm được lối thoát cho tình trạng thiếu vốn lưu động của mình. Không chỉ vậy, nó cũng có thể thúc đẩy việc tái tài trợ trung, dài hạn đối với những tài sản trước đó được mua bằng nguồn tiền vay hay được dùng để giảm chi phí huy động vốn nếu hình thức này có mức lãi thấp hơn các chi phí sử dụng vốn khác.

Tất nhiên những khó khăn trong sự phát triển của nghiệp vụ CTTC không chỉ đến từ phía cầu, nó cũng còn nằm ở phía cung.

Chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh đến sự giới hạn về năng lực tài chính của các công ty tài chính mới thành lập ở Việt Nam. Để phát triển một thị trường thuê mua đầy đủ, không chỉ dựa vào hoạt động của các tổ chức tài chính hoặc ngân hàng, nhiều trường hợp, bản thân các công ty sản xuất máy móc thiết bị cũng có thể tiến hành nghiệp vụ này thông qua hình thức "Thuê mua hợp tác". Trong hình thức này, bản thân người cho thuê sẽ đi vay phần lớn (có khi đến 80%) chi phí mua sắm tài sản cho thuê từ một hoặc nhiều người cho vay với việc thế chấp tài sản cho thuê để đảm bảo số tiền vay. Tiền cho thuê nhận được định kỳ sẽ là nguồn tiền để bù đắp chi phí và trả nợ các tổ chức tín dụng. Hình thức này giúp cho người cho thuê mở rộng khả năng tài trợ ra khỏi phạm vi nguồn vốn tự có của mình. Riêng với các đối tượng là các công ty sản xuất như đã nói ở trên, có thể có một cách khác để quay vòng vốn nếu đem thế chấp hoặc chiết khấu các hợp đồng cho thuê tại các ngân hàng thương mại.

Tất nhiên, ngoài những giải pháp nhỏ đã đề cập, những sự điều chỉnh cần thiết của nhà nước, với tư cách là người tạo lập môi trường vĩ mô là điều tối cần thiết. Với hàng loạt bất cập do sự không đồng bộ giữa luật và các văn bản dưới luật như đã được đề cập sẽ là những nút thắt vô hình cho hoạt động CTTC. Cho đến bao giờ chúng ta chưa giải quyết được vấn đề trên thì những khó khăn, dù chỉ là tạm thời, cũng sẽ là những vật cản khó vượt qua "Muốn có một thị trường phát triển cần tạo dựng một môi trường lành mạnh" bởi đó chính là đặc trưng của văn hoá thị trường.

***2.1.2. Khả năng tăng trưởng dư nợ cho thuê của các công ty cho thuê tài chính.***

Với kết quả đạt được còn khiêm tốn, nhưng sau hơn 3 năm đi vào hoạt động các công ty cho thuê tài chính (CTTC) đã chứng tỏ tính ưu việt của hoạt động này đã tạo một kênh dẫn vốn rất quan trọng đến các doanh nghiệp, và thực tế cho thấy dư nợ cho thuê tài chính ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước, từ làm ăn thua lỗ khi mới thành lập đến kết thúc năm tài chính 1999 hầu hết các công ty CTTC đều có lợi nhuận trước thuế, và điều đặc biệt so với hoạt động tín dụng trung dài hạn là nợ quá hạn chiếm tỷ trọng rất thấp (khoảng 1%) trên tổng dư nợ cho thuê tài chính, trong đó nợ quá hạn các công ty CTTC của các ngân hàng thương mại (NHTM) bằng không.

Tăng trưởng dư nợ cho thuê tài chính về giá trị tuyệt đối phụ thuộc vào nhiều yếu tố như cơ cấu vốn và sự thay thế nhau giữa các nguồn cung vốn đầu tư, cung cầu của thị trường CTTC. Với cách tiếp cận như vậy, bài viết dưới đây sẽ trình bày 3 yếu tố cơ bản cho khả năng tăng trưởng dư nợ cho thuê của các công ty CTTC, đó là nguồn vốn đầu tư để cho thuê, lãi suất và hành lang pháp lý cần thiết.

### **Nguồn vốn đầu tư CTTC:**

Theo Nghị định 64/CP ngày 9 - 10 - 1995 của chính phủ "Ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam" và Nghị định 82/1998/NĐ - CP ngày 3 - 10 - 1998 của Chính phủ, mức vốn pháp định của công ty CTTC do Ngân hàng công ty tài chính hoặc Ngân hàng công ty tài chính cùng với doanh nghiệp khác của Việt Nam thành lập là 55 tỷ VNĐ, và vốn pháp định của công ty CTTC có vốn nước ngoài là 5

triệu USD. Đến ngày 31 - 12 - 1999 vốn tự có của 9 công ty CTTC là 623,4 tỷ VNĐ chiếm 77% so với vốn tự có của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng và 3,5% so với các Ngân hàng thương mại.

Hiện nay hầu hết các công ty CTTC sử dụng hết vốn tự có khó khăn trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng dư nợ cho thuê và kết quả kinh doanh của các công ty là nguồn vốn, trong đó khó khăn nhất là các công ty có vốn nước ngoài, ba công ty đã phải vay vốn trên thị trường trong và ngoài nước. Cho đến nay chưa có một văn bản nào của ngân hàng nhà nước cho phép các công ty CTTC được vay vốn trung và dài hạn của ngân hàng cũng như các tổ chức tín dụng. Hơn nữa tại chỉ thị số 07/CT - NH1 ngày 7 - 10 - 1992 của Thống đốc ngân hàng nhà nước còn qui định về quan hệ tín dụng giữa các ngân hàng "... vốn cho vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp hoặc cầm cố tài sản của Ngân hàng kinh doanh đi vay" ...

Công ty CTTC của các NHTM tuy có lợi thế hơn là được nhận vốn của NH "mẹ". Nhưng trong từng hệ thống NHTM quan hệ giữa Hội sở chính với các chi nhánh là quan hệ điều chuyển vốn nội bộ, với công ty CTTC là thành viên hạch toán độc lập, vấn đề đặt ra là có được nhận vốn điều hoà từ hội sở chính hay phải đi vay theo cơ chế nào. Hơn nữa trong điều kiện trần lãi suất cho vay giảm liên tục thì mức thu sử dụng vốn công ty CTTC của các NHTM là quá cao (6%/năm), nếu làm một phép tính đơn giản với mức vốn pháp định 55 tỷ VNĐ, hàng năm một công ty phải nộp thu sử dụng vốn là 3,3 tỷ VNĐ thì chỉ trong hơn 16 năm nếu hoạt động không hiệu quả công ty sẽ hết vốn để kinh doanh.

Đối với các công ty CTTC có vốn đầu tư nước ngoài để được vay vốn tại các ngân hàng trong nước, tài sản duy nhất mà có thể cầm cố tại NH là nguồn vốn tiền gửi ngoại tệ mạnh (vốn pháp định, vốn vay nước ngoài). Đây là một nghịch lý đã tồn tại 3 năm qua chưa được giải quyết. Về vay vốn nước ngoài theo quy định tại Quyết định số 308/1999/QĐ - NHNN7 ngày 01/9/1999 về việc qui định vay nước ngoài của thống đốc ngân hàng nhà nước, các khoản vay nước ngoài không được vượt quá trần lãi suất qui định: Sibor/Libor + 2,5%/năm đối với lãi suất thả nổi, hoặc Sibor/Libor + 3%/năm đối với lãi suất cố định. Trong khi đó trần cho vay tối đa bằng ngoại tệ trong nước không quá 7,5%/năm áp dụng cho cả tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn. Rõ ràng đây là một nghịch lý, buộc đi vay cao để cho vay thấp là điều không thể thực hiện được trong thực tế.

Ngoài ra về nguồn vốn công ty CTTC của các NHTM cũng như công ty có vốn nước ngoài không được tiếp cận với nguồn vốn ưu đãi của nước ngoài như nguồn vốn ODA, các dự án tài trợ của Chính phủ, ngân hàng, các tổ chức Quốc tế như hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trợ giúp người hồi hương tạo công ăn việc làm...

### **Lãi suất cho thuê:**

Thời gian qua lãi suất cho thuê cũng là vấn đề làm đau đầu giám đốc các công ty CTTC. Trong điều kiện cạnh tranh lãi suất diễn ra gay gắt giữa các NHTM thì các công ty CTTC cũng rất loay hoay chưa tìm được ra giải pháp, như trên đã trình bày nguồn vốn thì có hạn, lãi suất đầu vào gần như cố định và có thể nói là rất cao. Theo qui định hiện hành, công ty CTTC của NHTM được



mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) không quá 25% vốn điều lệ (13,750 tỷ VNĐ) như vậy nguồn vốn kinh doanh còn lại chỉ 41,250 tỷ VNĐ. Với mức thu sử dụng vốn hiện nay thì nguồn vốn sử dụng để kinh doanh của công ty có lãi suất đầu vào là 8%/năm (3.300 tỷ; 41,250 tỷ). Trong đó các NHTM có lãi suất đầu vào bình quân khoảng 3,5% đến 4%/năm. Phạm vi hoạt động của các công ty CTTC lại khắp cả nước do đó chi phí cho hoạt động kinh doanh cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong lãi suất đầu vào. Năm 1999 NHNN đã 5 lần điều chỉnh trần lãi suất cho vay trung dài hạn VNĐ, từ 1,25%/tháng xuống một mức thống nhất là 0,85%/tháng. Trong thực tế nhiều dự án có tính khả thi cao, quá trình thương thảo đã cơ bản thống nhất, nhưng khi bàn đến lãi suất cho thuê thì bên đi thuê và công ty CTTC lại không vượt qua nổi vì các NHTM trên địa bàn đưa ra mức lãi suất quá hấp dẫn, thấp hơn nhiều so với mức đi thuê tài chính, đặc biệt là khi điều kiện cho vay lại được nới rộng (các doanh nghiệp nhà nước vay vốn không phải thế chấp tài sản). Do đó đối tượng cho thuê chủ yếu hiện nay là các công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân... các doanh nghiệp Nhà nước chiếm tỷ trọng nhỏ. Các công ty CTTC không có một lợi thế nào về cạnh tranh lãi suất cho thuê, chưa kể đến phí ch thuê khoảng từ 2% đến 3%/năm thì cơ hội đầu tư của các công ty CTTC rất hạn hẹp.

Ngoài ra còn một số những trở ngại liên quan đến vấn đề XNK, đăng ký sở hữu tài sản, đóng thuế chức bạ hai lần... cũng là những vấn đề cần phải giải quyết.

### **Những giải pháp hỗ trợ:**

Để tăng trưởng dư nợ cho thuê tài chính trong thời gian tới, phát triển ngành công nghiệp CTTC theo đúng vai trò và tầm quan trọng của nó trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước thì hoạt động CTTC cần có sự quan tâm hỗ trợ tích cực, đồng bộ và những giải pháp hiệu quả hơn nữa của chính phủ, NHNN và các ngành hữu quan trong việc tháo gỡ những khó khăn hiện nay. Cụ thể là NHNN phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan nhằm củng cố và hoàn thiện ngày càng tốt hơn hành lang pháp lý, tạo môi trường kinh tế thuận lợi cho hoạt động CTTC, trong đó chú trọng đến việc tạo điều kiện cho các công ty CTTC tiếp cận với các nguồn vốn trung và dài hạn tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa hoạt động CTTC và nghiệp vụ cho vay thông thường của các NHTM. Ngoài ra để mở rộng hoạt động cho thuê tài chính nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp làm quen với giải pháp tín dụng mới, NHNN kết hợp với các công ty CTTC tăng cường hoạt động tuyên truyền để giới thiệu hoạt động CTTC cho các doanh nghiệp. Mặt khác do đây là nghiệp vụ mới nên NHNN tiếp tục kêu gọi các tổ chức song phương, đa phương hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ cho các công ty CTTC. Bên cạnh đó bản thân các công ty CTTC cũng cần phải có những nỗ lực để kiện toàn tổ chức và tăng cường đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, xây dựng đội ngũ cán bộ thông thạo về nghiệp vụ CTTC, am hiểu về kỹ thuật máy móc thiết bị. Để mở rộng thị trường kinh doanh, các công ty CTTC cần tăng cường công tác tiếp thị, có chính sách khách hàng phù hợp với chiến lược phát triển của mình, đẩy mạnh CTTC với tất cả các thành phần kinh tế, đa dạng hoá các đối tượng thiết bị cho thuê. Ngoài ra các công ty cần chú trọng hơn nữa việc cho thuê máy móc thiết bị tạo

giá trị gia tăng cao nhằm góp phần nhanh chóng nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Công nghệ cho thuê tài chính mới thâm nhập vào Việt Nam, nhưng có khả năng định được sự tồn tại và phát triển của nó hay không còn phụ thuộc vào sự quan tâm của chính phủ, các cấp, các ngành. Cũng như môi trường pháp lý đầy đủ cho nó hoạt động. Tin tưởng rằng tương lai của ngành CTTC tại Việt Nam là đầy hứa hẹn. Với sự giúp đỡ hiệu quả của các cơ quan quản lý, chắc chắn nó sẽ đạt tốc độ tăng trưởng cao trong thời gian tới.

### ***2.1.3. Phát triển cho thuê tài chính ở công ty cho thuê tài chính I - NHNo & PTNT.***

Thực hiện chủ trương của hội đồng quản trị NHNo & PTNT Việt Nam nhằm từng bước đa dạng hoá các hình thức đầu tư tín dụng, tăng trưởng dư nợ và khắc phục vấn đề tài sản thế chấp của các doanh nghiệp khi vay vốn tín dụng, công ty cho thuê tài chính I NHNo & PTNT đã được thành lập, theo quyết định số 238/1998/QĐ - NHNN5 ngày 14 tháng 07 năm 1998 của Thống đốc ngân hàng nhà nước Việt Nam. Công ty có số vốn điều lệ 65 tỷ VND, hoạt động theo "Quy định về nghiệp vụ cho thuê tài chính của công ty cho thuê tài chính NHNo & PTNT đối với khách hàng" ban hành kèm theo quyết định 135/1998/HĐQT - QĐ ngày 15 tháng 10 năm 1998 của Hội đồng quản trị NHNo & PTNT. Công ty thực hiện chức năng cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam, trực tiếp sử dụng tài sản cho thuê theo mục đích kinh doanh hợp pháp, tư vấn dịch vụ có liên quan đến nghiệp vụ cho thuê tài chính và thực hiện các

ng nghiệp vụ khác khi được ngân hàng nhà nước và các cơ quan chức năng cho phép.

Đối tượng cho thuê chủ yếu của công ty là phương tiện vận tải, thiết bị thi công, thiết bị lẻ trong dây chuyền sản xuất và thiết bị y tế. Bên cạnh đó công ty đã mạnh dạn áp dụng phương thức bán và thuê lại, đây là một nghiệp vụ hoàn toàn mới ở Việt Nam, chỉ một số công ty áp dụng.

Tuy nhiên, công ty còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt xuất phát từ nguyên nhân là hoạt động cho thuê tài chính còn quá mới mẻ ở Việt Nam, hiểu biết về cho thuê tài chính của các doanh nghiệp còn hạn chế, hầu hết họ tiếp nhận dòng vốn này với thái độ thăm dò để so sánh mặt được và mặt không được giữa cho thuê tài chính với tín dụng thông thường. Bên cạnh đó hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động cho thuê tài chính mới bước đầu hình thành và còn nhiều bất cập cũng ảnh hưởng nhất định đến hoạt động cho thuê tài chính.

Cho đến nay hoạt động cho thuê tài chính mới chỉ có quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam (ban hành kèm theo nghị định 64/CP ngày 09 tháng 10 năm 1995 của Chính phủ) và thông tư 03/TT - NH5 ngày 09 tháng 02 năm 1996 của ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính tại Việt Nam. Hai văn bản này được ban hành trong khi cho thuê tài chính chưa được ai biết tới, cho nên khi đi vào thực hiện gặp rất nhiều trở ngại.

Để hoạt động cho thuê tài chính phát triển được các doanh nghiệp chấp nhận như một kênh dẫn vốn có hiệu quả của cơ chế kinh tế, cần áp dụng một số biện pháp sau:

- Đổi mới nhận thức không chỉ của cán bộ ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước mà cả của xã hội đối với vấn đề cho thuê tài chính.

- Phổ biến cho các doanh nghiệp hiểu rõ hiệu quả kinh tế của cho thuê tài chính và có chính sách đào tạo cán bộ chuyên sâu về nghiệp vụ cho thuê tài chính.

- Sửa đổi một số vấn đề trong nghị định 64/CP ngày 09 tháng 10 năm 1995 của Chính phủ không còn phù hợp nhằm tạo nên hành lang pháp lý thông thoáng cho hoạt động cho thuê tài chính phát triển, chẳng hạn như:

+ Vấn đề nguồn vốn hoạt động theo các quy định hiện hành, tất cả các công ty cho thuê tài chính đều thiếu vốn trung và dài hạn. Ngoài quy định chung theo luật là được huy động vốn trong và ngoài nước để đầu tư, các công ty cho thuê tài chính cần được phép vay vốn trung và dài hạn từ các tổ chức tín dụng và được vay vốn từ các nguồn tài trợ. Nói cách khác các công ty cho thuê tài chính cần được xem như một kênh dẫn vốn từ các nguồn vay nợ viện trợ, các quỹ phát triển FDI, ODA.v.v...

+ Đề nghị miễn giảm phí sử dụng vốn cho các công ty cho thuê tài chính vì mức thuế thu nhập doanh nghiệp 32% và thu về sử dụng vốn 6%/năm (hay 0,5%/tháng) làm cho công ty gặp nhiều khó khăn. Cụ thể số liệu tính toán cho một tháng của công ty cho thuê tài chính I với giả thiết dư nợ cả 65 tỷ, lãi suất cho thuê

0,85%/tháng (khó thực hiện vì các NHTM quốc doanh cho vay 7,5%/năm = 0,625%/tháng).

+ Tiền lãi sẽ thu: 65000 triệu x 0,85% = 552,5 triệu

+ Chi phí quản lý: 65000 triệu x 20% = 130 triệu

+ Thu nhập: = 442 triệu

+ Thuế thu nhập: 442 tr x 32% = 141,4 triệu

+ Lãi sau thuế: = 301 triệu

+ Chi phí sử dụng vốn 65000 tr x 0,5% = 325 triệu

Lỗ một tháng: 301 tr - 325 tr = - 24 triệu

Lỗ cả năm: - 24 tr x 12 tháng = - 288 triệu

Khoản thu nộp về sử dụng vốn là rất nặng nề cho các công ty cho thuê tài chính. Về mặt tổng thể một ngân hàng thương mại quốc doanh có thể mạnh tổng hợp, kinh doanh đa dạng thì việc nộp và sử dụng vốn có thể chấp nhận được. Nhưng với một công ty cho thuê tài chính mới ra đời, đầu tư trong giai đoạn kinh tế khó khăn thì vấn đề nộp phí sử dụng vốn cần được xem xét lại.

- Về thủ tục xuất nhập khẩu máy móc thiết bị. Đề nghị cho phép các công ty cho thuê tài chính được đăng ký mã số nhập khẩu. Khi có mã số, công ty được quyền nhập khẩu trực tiếp không phải xin phép từng lần, hoặc uỷ thác hoặc ký hợp đồng nhập khẩu có tham gia của ba bên: Bên cho thuê, bên đi thuê, bên cung cấp. Một hợp đồng như vậy rất phù hợp với thông lệ quốc tế và hợp lý, hợp pháp tại Việt Nam.

- Về thuế nhập khẩu. Hiện nay những chủ đầu tư được miễn thuế nhập khẩu máy móc thiết bị, ngay cả khi vay tiền từ ngân hàng thương mại để nhập. Nhưng khi họ chọn hình thức thuê tài chính thì gặp khó khăn, vì máy móc thiết bị nhập dưới tên của côngty cho thuê tài chính phải chịu thuế nhập khẩu.

Đề nghị tài sản do các côngty cho thuê tài chính nhập khẩu trực tiếp sẽ được áp dụng mức thuế nhập khẩu (hoặc miễn thuế nhập khẩu) như khi bên đi thuê tự nhập khẩu tài sản này theo quy định của nghị định 64/CP ngày 09 tháng 10 năm 1995.

- Về vấn đề đăng ký quyền sở hữu tài sản. Đối với các tài sản lưu động, các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô tàu thuyền... sau khi mua (có đầy đủ hoá đơn và bộ chứng từ kèm theo) vẫn phải đăng ký chước bạ. Trong khi đó, các tài sản cố định như máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, thậm chí cả một nhà máy có giá trị lớn hơn rất nhiều lần xe mô tô, ô tô (cũng có cả hoá đơn và chứng từ kèm theo) lại không phải đăng ký quyền sở hữu tài sản.

Nên có quy định rõ ràng đối với tài sản cố định như máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thì có phải đăng ký quyền sở hữu hay không. Nếu có thì đăng ký ở cơ quan nào? Đề nghị nếu là tài sản cố định nên giao cho chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) đăng ký, tài sản đặt tại chính địa phương đó, được địa phương đó bảo vệ sẽ thuận lợi và đơn giản hơn.

Với các phương tiện thi công cơ giới, theo quy định của Bộ giao thông vận tải thì phải nộp thuế chước bạ đăng ký quyền sở hữu, nhưng khi nộp thuế chước bạ thì phòng thuế chước bạ trả lời

không có hướng dẫn thu thuế chức bạ đối với thiết bị thi công cơ giới, nên không thu. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính có những quy định rõ ràng về thuế và đăng ký quyền sở hữu đối với các phương tiện thi công cơ giới.

- Về đối tượng người thuê, nên mở rộng đến đối tượng là cá nhân, hộ gia đình nếu bên cho thuê xét thấy đủ các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng.

- Đối với Bộ tài chính: Vừa qua Tổng cục thuế cho phép các công ty đi thuê tài chính được phép khấu trừ thuế giá trị gia tăng hàng tháng. Tuy vậy người thuê vẫn phàn nàn. Nếu đi vay ngân hàng mua tài sản thì được khấu trừ ngay. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, đề nghị cho phép các công ty đi thuê được khấu trừ thuế giá trị gia tăng một lần ngay khi ký hợp đồng thuê, tránh cho họ phải trả thêm lãi trên số tiền thuế giá trị gia tăng trong suốt thời gian thuê.

## ***2.2. Công ty tài chính trong tổng công ty.***

Công ty tài chính trong các tập đoàn kinh tế nói chung là mô hình tổ chức tài chính được ưa dụng ở nhiều nước trên thế giới, hoạt động như một định chế tài chính trung gian, thu xếp và sử dụng các nguồn vốn, tham gia vào các thị trường tài chính tiền tệ để tăng cường tiềm lực tài chính phục vụ cho nhu cầu đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các ngành kinh tế trọng yếu.

Ở nước ta thực hiện chủ trương xây dựng các tập đoàn kinh tế mạnh, Nhà nước khuyến khích thành lập các công ty tài chính trong tổng công ty Nhà nước. Điều 43 khoản 3 luật doanh nghiệp



Nhà nước đã ghi: "Tuỳ theo quy mô và vị trí quan trọng, tổng công ty Nhà nước có hoặc không có công ty tài chính là doanh nghiệp thành viên". Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Quyết định số 104/QĐ - NH5 ngày 12/02/1996 quy định điều lệ mẫu công ty tài chính trong tổng công ty Nhà nước, qua đó bước đầu làm rõ hoạt động của công ty tài chính so với các tổ chức tín dụng khác.

### ***2.2.1. Về mô hình công ty tài chính trong tổng công ty.***

Nhằm thúc đẩy tích tụ và tập trung, chuyên môn hoá, hợp tác hoá, nâng cao sức cạnh tranh đồng thời xoá dần chế độ Bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản, xoá bỏ sự phân biệt doanh nghiệp trung ương và địa phương và làm nòng cốt thực hiện đường lối công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ngày 07/03/1994, Chính phủ ban hành các quyết định số 90 và 91/TTg thành lập một số tổng công ty theo hướng mô hình tập đoàn kinh doanh. Công ty tài chính trong tổng công ty là một giải pháp gắn kết kinh tế giữa các công ty thành viên tạo thành tổng công ty.

Trước hết công ty tài chính trong tổng công ty, cho các công ty thành viên huy động các nguồn vốn trong công chúng thông qua việc phát hành tín phiếu, trái phiếu có mục đích để đầu tư vào các dự án đầu tư chiều sâu: Đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất, xây dựng và cải tạo cơ sở vật chất của các công ty thành viên.

Với vị thế của mình, các công ty tài chính trong tổng công ty còn có thể vay vốn từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại để cung ứng cho các công ty thành viên. Trong các mối quan hệ tín dụng, không phải công ty nào vào thời điểm nào cũng có thể

khai thác tốt mối quan hệ vay mượn với các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại. Trong những trường hợp và thời điểm đó thì giải pháp thông qua công ty tài chính của tổng công ty sẽ tháo gỡ được khó khăn đó.

Công ty tài chính sẽ là các chuyên gia tư vấn đầu tư cho các đối tác làm ăn với tổng công ty và tư vấn cho các tổng công ty và các công ty thành viên trong làm ăn với các đối tác nước ngoài.

Nhìn chung tất cả các công ty đều trong tình trạng thiếu vốn. Nhưng vào một thời điểm nào đó có tình trạng một số công ty tạm thời thừa vốn, trong khi đó công ty khác trong hệ thống tổng công ty lại thiếu vốn và các nguồn vốn khác không được khai thông. Để giải quyết mâu thuẫn này, công ty tài chính sẽ giúp tổng công ty hình thành quỹ tập trung có tính chất như một bình chứa dự trữ nhưng rất "lỏng" của toàn hệ thống tổng công ty, quỹ này cho phép đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của các công ty bị rơi trong tình trạng thiếu vốn và cũng giúp cho các công ty có vốn tạm thời không bị nằm chết vốn.

### ***2.2.2. Một số vấn đề về xây dựng và phát triển công ty tài chính trong các tổng công ty nhà nước.***

Trong quá trình đổi mới khu vực kinh tế Nhà nước, Đảng và chính phủ chủ trương thành lập các Tổng công ty theo mô hình tập đoàn kinh tế mạnh, nâng cao sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường, tạo điều kiện hội nhập có hiệu quả và bình đẳng vào đời sống kinh tế quốc tế. Do vậy, đã có hàng loạt các Tổng công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo tinh thần quyết định số 91/Ttg ngày 07/03/1994 của thủ tướng chính phủ như các Tổng

công ty dầu khí, Hàng không, Bưu chính viễn thông, Điện lực, Dệt- may, Cao su... và trong hệ thống tổ chức của các tổng công ty, công ty tài chính có vị trí quan trọng đặc biệt, đóng vai trò to lớn trong quá trình phát triển của các Tổng công ty.

Tính đến thời điểm tháng 11/1998, Thống đốc ngân hàng Nhà nước đã cấp giấy phép hoạt động cho 03 công ty tài chính trong các Tổng công ty nhà nước, đó là các công ty tài chính Dệt - May, Bưu điện, Cao su. Điều này thực sự đã tạo ra những biến đổi lớn về chất cho các tổng công ty trong việc xác lập các quan hệ tài chính nhằm tìm kiếm, khơi thông luồng vốn trong nước, thu hút vốn tài chính nước ngoài và quản lý một cách có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, hạn chế việc thất nhất mức thất thoát vốn do không sử dụng đúng mục đích.

Trong bài viết này, chúng tôi xin trao đổi một số vấn đề liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển Công ty tài chính trong các Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo mô hình tập đoàn kinh doanh (Tổng công ty).

*1. Việc sớm thành lập các Công ty tài chính đối với các Tổng công ty có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng, bởi vì:*

- Việc thành lập Công ty tài chính sẽ giúp các tổng công ty tìm kiếm khơi thông các nguồn vốn trong nước, thu hút vốn nước ngoài thông qua việc xác định các phương thức huy động vốn, số lượng vốn cần huy động, đối tượng để huy động vốn, thời gian huy động, các điều kiện vay, trả... để đáp ứng đủ kịp thời nhu cầu về vốn với chi phí thấp nhất.

- Việc thành lập Công ty tài chính sẽ giúp các Tổng công ty quản lý một cách tối ưu, có hiệu quả các nguồn vốn thông qua việc đảm bảo đầu tư vốn đúng định hướng phát triển, đúng công trình và dự án, vừa có hiệu quả kinh tế cao vừa đáp ứng được nhiệm vụ chính trị xã hội trong quá trình phát triển của các Tổng công ty. Từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của toàn Tổng công ty.

- Việc thành lập Công ty tài chính sẽ giúp cho các Tổng công ty khai thác được triệt để sức mạnh của một Tổng công ty lớn trên thị trường tài chính - tiền tệ, tham gia thị trường tài chính tín dụng, thị trường vốn trong và ngoài nước.

- Việc thành lập Công ty tài chính sẽ giúp các Tổng công ty phát huy được tối đa thế mạnh về các nguồn lực vật chất cũng như nguồn lực con người, tận dụng được các thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Thực tiễn kinh nghiệm phát triển của các tập đoàn kinh tế trên thế giới cho thấy, các tập đoàn kinh tế triệt để sử dụng sức mạnh của tập đoàn để kinh doanh trên thị trường tài chính - tiền tệ bằng việc thành lập Công ty tài chính trong tập đoàn đủ mạnh để quản lý tập trung, thống nhất các nguồn tài chính và thực hiện chức năng kinh doanh tài chính - tiền tệ.

*2. Các Tổng công ty có nhiều điều kiện thuận lợi để thành lập Công ty tài chính, đó là:*

- Các Tổng công ty thực hiện hạch toán kinh doanh tổng hợp; Hoạt động sản xuất của Tổng công ty có tính hệ thống, tập trung

và thống nhất cao; có nguồn thu ngoại tệ lớn; có lợi thế to lớn về các nguồn lực phát triển; có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định...

- Nghị định số 39/CP ngày 27/06/1995 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Tổng công ty nhà nước đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổng công ty tài chính, một đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty.

- Cơ sở pháp lý đầy đủ: Luật doanh nghiệp nhà nước ban hành ngày 20/04/1995; Pháp lệnh hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính ban hành ngày 24/05/1990; Quyết định số 91, Ttg ngày 07/03/1994 của Thủ tướng chính phủ về việc thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh; Quyết định số 104/QĐ - NH5 ngày 02/05/1996 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành Mẫu điều lệ công ty tài chính trong Tổng công ty nhà nước; Luật các tổ chức tín dụng ban hành ngày 12/12/1997.

*3. Về loại hình sở hữu: chúng tôi cho rằng việc thành lập công ty tài chính chuyên ngành (đơn vị thành viên hạch toán độc lập) là phù hợp với các Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay, bởi vì:*

- Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển các Tổng công ty nhà nước được thành lập theo mô hình tập đoàn kinh doanh.

- Thủ tục thành lập công ty tài chính chuyên ngành đơn giản, gọn nhẹ gồm: giấy phép thành lập công ty tài chính của Ngân hàng Nhà nước Việt nam cấp; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố cấp; Quyết định phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động

Công ty tài chính của Hội đồng quản trị Tổng công ty và được ngân hàng nhà nước chuẩn y.

*4. Về nội dung hoạt động kinh doanh: Công ty tài chính là đơn vị thành viên (doanh nghiệp nhà nước) của Tổng công ty có tư cách pháp nhân, được cấp vốn điều lệ ban đầu, thực hiện hạch toán kinh doanh độc lập, tự chủ về tài chính tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh và những cam kết của công ty tài chính thực hiện các chức năng kinh doanh sau:*

- Huy động vốn:

+ Nhận tiền gửi có kỳ hạn của Tổng công ty, các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty, các doanh nghiệp trong ngành kinh tế - kỹ thuật và cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty.

+ Phát hành tín phiếu, trái phiếu công trình trong và ngoài nước theo qui định của pháp luật.

+ Vay của các tổ chức tài chính và tín dụng trong và ngoài nước.

- Cho vay:

+ Cho vay ngắn hạn.

+ Cho vay trung và dài hạn trên cơ sở cân đối nguồn vốn trung và dài hạn, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn của Tổng công ty.

- Kinh doanh ngoại hối trong phạm vi hoạt động của ngành kinh tế - kỹ thuật với các hình thức:

+ Lựa chọn để chuyển hoá ngoại tệ.

+ Thanh toán quốc tế trong hoạt động giữa Tổng công ty, các đơn vị thành viên của tổng công ty với các nước đối tác nước ngoài.

- Tư vấn tài chính cho các đơn vị thành viên trong quan hệ vay vốn với nước ngoài và quan hệ với các bên liên quan về mặt tài chính, đầu tư.

- Thực hiện vận hành, quản lý, kinh doanh các nguồn tài chính tiền tệ của Tổng công ty theo sự uỷ thác, gồm:

+ Tiếp nhận vốn uỷ thác đầu tư trong và ngoài nước, bao gồm cả vốn của Tổng công ty giao để đầu tư những công trình, dự án của Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên.

+ Đại lý phát hành trái phiếu cho Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên.

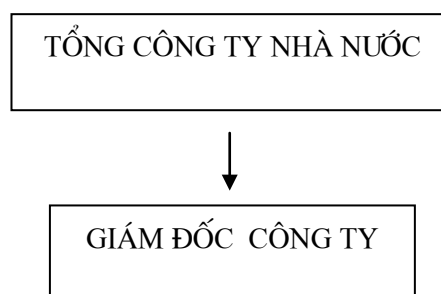
- Sử dụng vốn tự có để có thể hùn vốn liên doanh hoặc mua cổ phần khi được phê chuẩn của Tổng công ty.

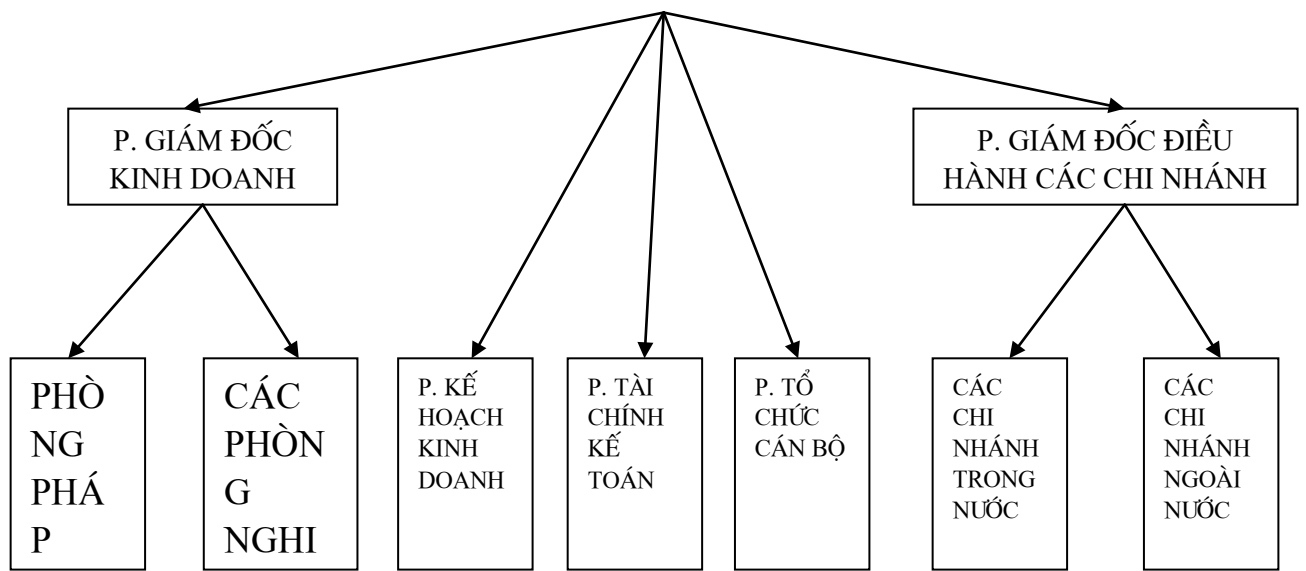
- Thực thi các nghiệp vụ cho thuê tài chính.

- Thực hiện các nghiệp vụ khác khi được Thống đốc ngân hàng nhà nước cho phép.

5. Về mô hình tổ chức: Cơ cấu bộ máy tổ chức sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Tài chính được tổ chức theo mô hình sau:

### **Mô hình tổ chức công ty tài chính.**







*6. Về quan hệ giữa công ty tài chính với Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong Tổng công ty.*

- Công ty tài chính chịu sự quản lý của Tổng công ty về chiến lược phát triển, về tổ chức và nhân sự, chịu sự quản lý của ngân hàng nhà nước về nội dung và phạm vi hoạt động nghiệp vụ.

- Điều hành hoạt động của công ty tài chính là giám đốc công ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc công ty và phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

- Công ty tài chính thực hiện các nghiệp vụ huy động vốn, cho vay vốn trung và dài hạn đối với Tổng công ty, các đơn vị thành viên trong Tổng công ty và các nghiệp vụ tài chính khác. Trường hợp thực hiện cho vay khác đối với các tổ chức, đơn vị kinh doanh phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

- Lãi suất cho vay và huy động của Tổng công ty tài chính do Tổng giám đốc Tổng công ty quyết định theo uỷ quyền của Hội đồng quản trị Tổng công ty nhưng phải dựa trên khung lãi suất do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước qui định.

- Công ty tài chính chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh của mình.

- Tổng công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khoản cho vay các doanh nghiệp ngoài Tổng công ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty chấp thuận, cũng như các quyết định của Tổng công ty có liên quan đến hoạt động của công ty tài chính.

Tóm lại, việc thành lập Công ty tài chính trong các Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo mô hình tập đoàn kinh doanh là hết sức cần thiết và cấp bách, không nên chần chừ, nhưng cũng không thể nóng vội, đốt cháy giai đoạn mà phải từng bước xây dựng và hoàn thiện nó một cách phù hợp trên cơ sở nghiên cứu, xem xét đánh giá nhu cầu, khả năng thu hút và sử dụng vốn của Tổng công ty trong hoàn cảnh thực tế và mối liên hệ ràng buộc với các định chế tài chính hiện hành ở Việt Nam cũng như các tập quán và thông lệ của các tổ chức tài chính - tín dụng quốc tế, đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu của Tổng công ty trong từng giai đoạn phát triển.

### ***2.2.3. Các nhân tố thúc đẩy và xu hướng thành lập các công ty tài chính từ thực tiễn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.***

NHNN cần nhanh chóng kiện toàn đội ngũ cán bộ thanh tra ngân hàng, nhất là ở các tỉnh, thành phố trọng điểm như đã nêu trong chương trình hoạt động thanh tra năm 1999.

Trong hoạt động của đoàn thanh tra, yêu cầu thận trọng, kỷ luật, kiên quyết, mạnh dạn, dám chịu trách nhiệm là rất quan trọng. Đây là vấn đề cần phải được tiếp tục quan tâm khi tuyển chọn và đào tạo cán bộ thanh tra ngân hàng.

Thanh tra ngân hàng cần kịp thời mở các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ về đoàn và trưởng đoàn thanh tra. Các lớp nâng cao nghiệp vụ thanh tra cần tiếp tục bồi dưỡng kiến thức pháp luật và đi sâu vào đào tạo kỹ năng thanh tra từng nghiệp vụ hoạt động

ngân hàng cụ thể (thanh tra tín dụng, thanh tra bảo lãnh, thanh tra vốn...).

Thời gian gần đây, cùng với sự phát triển hệ thống NHTM, các công ty tài chính ở nước ta đang từng bước được thiết lập đa dạng, mặc dù đây là mô hình còn mới mẻ và trước đó hai công ty tài chính cổ phần đã được thành lập nhưng hoạt động vẫn còn kém hiệu quả. Tính đến 31/12/1998, cả nước có 13 công ty tài chính, bao gồm 2 công ty cổ phần, 3 công ty tài chính thuộc Tổng công ty nhà nước, 8 công ty cho thuê tài chính thuộc các TCTD hoặc liên doanh thành lập. Sự phát triển đó là chủ đề được nhiều người quan tâm. Vậy nhân tố nào đã thúc đẩy sự ra đời hàng loạt tổ chức đó trên địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và việc phát triển chúng theo hướng nào là thích hợp? đó cũng là vấn đề chúng tôi xin được phép cùng trao đổi.

Thanh tra Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước cần nghiên cứu để sớm áp dụng một chế độ phụ cấp nhất định cho các trưởng đoàn thanh tra.

Trong tình hình hiện nay. Thanh tra Ngân hàng Trung ương cần quan tâm hơn nữa tới việc theo dõi, giám sát, chỉ đạo hoạt động của các đoàn thanh tra ở địa phương, nhất là ở giai đoạn kết thúc cuộc thanh tra. Các đoàn thanh tra của Trung ương chỉ nên tiến hành những cuộc thanh tra trọng điểm, có tính chất phức tạp và thực hiện công tác phúc tra khi có những căn cứ theo quy định của pháp luật.

Tại nghị định 61/1998/NĐ - CP, Chính phủ đã quy định riêng 2 vấn đề thanh tra và kiểm tra doanh nghiệp, trong hoạt động quản

lý của một cơ quan Bộ thiết nghị NHNN cần sớm nghiên cứu để thiết lập mối quan hệ giữa hoạt động của thanh tra ngân hàng và hoạt động kiểm tra theo chức năng của các cơ quan khác thuộc NHNN.

*1. Những nhân tố thúc đẩy hình thành công ty tài chính.*

*a) Nhân tố phát triển.*

Sự phát triển kinh tế của nước ta trong những năm gần đây, đặc biệt 2 trung tâm kinh tế thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh tạo tiền đề cho sự phát triển những năm tiếp theo và thúc đẩy các nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ hình thành và phát triển, thể hiện:

Thứ nhất, thế mạnh kinh tế về vị trí, tiềm năng, lao động lớn và sự bật dậy về gia tốc phát triển kinh tế của hai thành phố lớn là cơ sở thuận lợi để tiếp tục thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả đầu tư, kể cả đầu tư hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, từ đó việc đầu tư cho vay của các TCTD nói chung và các công ty tài chính nói riêng có cơ sở thu hồi nợ thuận lợi hơn.

Thứ hai, các yếu tố tăng trưởng kinh tế (năm 1996 - 1997, GDP ở hai thành phố chiếm bình quân 25,3% GDP của cả nước, tăng trưởng bình quân trên 10% năm), tăng tích lũy thu nhập bình quân đầu người, cơ sở hạ tầng về thông tin liên lạc và giao thông vận tải được cải thiện, sự phát triển mạnh mẽ thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, giao lưu hàng hoá phát triển và trình độ đô thị hoá cao, mật độ dân cư đông đúc và điều kiện thuận lợi để các công ty tài chính thành lập, huy động vốn dễ dàng hơn và có cơ sở

mở rộng dịch vụ khác như cho vay tiêu dùng, đầu tư, môi giới... và mở rộng địa bàn hoạt động để phục vụ khách hàng cũng như tận dụng những lợi thế chuyên môn của mình.

Thứ ba, xu hướng phát triển kinh tế trên địa bàn có nhiều triển vọng tốt, tạo ra sự ổn định và phát triển trường hoạt động, điều này thể hiện: (1) Định hướng phát triển kinh tế giai đoạn 1996 - 2000 đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư lớn trong và ngoài nước nhằm đầu tư cơ sở hạ tầng và đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị lạc hậu hiện đang sử dụng tại nước ta, chẳng hạn nhu cầu vốn đầu tư trong và ngoài nước nhằm đầu tư cơ sở hạ tầng và đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị lạc hậu hiện đang sử dụng tại nước ta, chẳng hạn nhu cầu về vốn đầu tư trong thời kỳ 1996 - 2010 ở khu vực lân cận thành phố Hồ Chí Minh (vùng Đông Nam bộ) từ 95 - 97 tỷ USD, trong đó các dự án phát triển ngành công nghiệp 51 tỷ USD, xây dựng 6,6 tỷ, nông lâm ngư nghiệp 1,2 tỷ, dịch vụ 38 tỷ USD... Mặt khác, trong điều kiện qua kênh tín dụng trung và dài hạn của các NHTM còn bất hợp lý cả về cơ cấu nguồn vốn; khả năng thẩm định các dự án bị hạn chế do chưa đủ thời gian khắc phục được những nhược điểm của hoạt động kinh doanh tổng hợp. Do vậy, thị trường vay vốn dưới hình thức này còn lớn. (2) Môi trường hoạt động có chiều hướng thuận lợi. Khi thị trường vốn được hình thành ở hai trung tâm kinh tế này, mở khả năng thu hút vốn mới như phát hành trái phiếu thuận lợi hơn và kèm theo các nghiệp vụ kinh doanh mới mang tính hỗ trợ cho hoạt động chính. Mặt khác, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được củng cố theo hướng được cấp đủ vốn tự có, phân định rạch ròi chức năng kinh doanh và sự nghiệp mà ở đó có chính sách tín dụng riêng, hơn nữa nhiều

DNNN - Tổng công ty đang hoạt động kinh doanh ở ccs ngành, lĩnh vực kinh tế mà thành phần khác chưa có điều kiện xâm nhập tạo ra ưu thế riêng trong việc sản xuất và tiêu thụ hàng.

*b) Nhân tố môi trường pháp luật.*

- Việc từng bước hoàn thiện hệ thống các quy phạm pháp luật, giúp giới đầu tư vào lĩnh vực này yên tâm hơn và sẽ giảm thiểu những chi phí không kiểm soát được trong quá trình thành lập và hoạt động. Trong nền kinh tế thị trường, các thành phần kinh tế chỉ có cơ hội cạnh tranh bình đẳng khi hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện hơn. Nhiều luật có liên quan đến lĩnh vực tài chính, tiền tệ được hiện hành như: Luật DNNN, Luật công ty, Luật thương mại, Luật đầu tư nước ngoài, Bộ luật dân sự... và đặc biệt gần đây là Luật các TCTĐ và một số văn bản dưới luật về tổ chức và hoạt động các định chế trên thị trường chứng khoán.

- Luật các TCTĐ nước ta có sự tách biệt công nghệ chứng khoán và hoạt động cho thuê tài chính ra khỏi hoạt động NHTM. Vì thế, các NHTM muốn đa năng hoá hoạt động để tận dụng nguồn lực và giảm thiểu rủi ro phải thành lập hoặc tham gia vốn thành lập các công ty tài chính hoạt động chuyên sâu. Đây cũng là lợi thế để cho các công ty này hình thành và phát triển ở các lĩnh vực này - cho thuê tài chính (công ty quản lý quỹ đầu tư, công ty chứng khoán không chịu sự điều chỉnh bởi luật này). Mặt khác, việc quy định kiểm soát chặt chẽ các biện pháp bảo đảm và an toàn trong hoạt động ngân hàng sẽ thúc đẩy nhiều người vay phải lựa chọn phương thức vay trả thích hợp hơn, mà ở đó sẽ tăng thêm cơ hội cho thuê tài chính.

## *2. Xu hướng phát triển các công ty tài chính.*

Luật các TCTD nước ta quy định các loại hình công ty tài chính với các hình thức sở hữu: Nhà nước, cổ phần của Nhà nước và nhân dân; liên doanh hơn 100% vốn nước ngoài. Điều này cho phép các công ty tài chính thành lập theo các loại hình: (1) Các thành viên thuộc các tổng công ty Nhà nước hoặc các TCTD Việt Nam. (2) cổ phần gồm các cổ đông là các TCTD, tổ chức khác và các cá nhân Việt Nam. (3) Liên doanh bằng vốn góp giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều TCTD, doanh nghiệp Việt Nam với bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều TCTD, doanh nghiệp nước ngoài, các tổ chức tài chính quốc tế trên cơ sở hợp đồng liên doanh. (4) Nước ngoài (100%) bằng vốn góp của một hoặc nhiều TCTD, doanh nghiệp nước ngoài .

Tuy nhiên cũng giống như việc đầu tư vào hoạt động kinh doanh khác, để tận dụng được nguồn lực và kinh nghiệm sẵn có và phù hợp với điều kiện kinh tế và pháp luật, xu hướng thành lập và hoạt động các công ty tài chính đang diễn ra hiện nay theo hai hướng:

Thứ nhất, các NHTM lớn thành lập công ty con thực hiện cho thuê tài chính. Đây là một loại hình công ty tài chính chuyên doanh, được chuyên môn hoá trong lĩnh vực cho thuê máy móc, thiết bị và các bất động sản khác, họ có những ưu thế: (1) thủ tục hồ sơ đi thuê thường đơn giản so với đi vay các NHTM hoặc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp. (2) Mức độ rủi ro từ phía khách hàng rất ít nên không cần thiết các điều kiện ràng buộc về tài sản thế chấp hoặc có người bảo lãnh như các NHTM thường làm do

hoạt động trong mọi lĩnh vực chuyên sâu, hơn nữa nhiều dự án lớn thường được Hội đồng của cơ quan quản lý doanh nghiệp đó đã xét duyệt hoặc qua đấu thầu đã được kiểm tra kỹ nên các công ty dễ dàng xem xét và đưa ra quyết định hơn; bên thuê không có cơ hội sử dụng sai mục đích vì bên cho thuê là người trực tiếp xem xét tài sản, quyết định mua và thanh toán tiền hàng, đồng thời, trong suốt quá trình cho thuê, tài sản cho thuê luôn thuộc quyền sở hữu người cho thuê (3) có thể đáp ứng được nhu cầu vay cao hơn vì tỷ lệ cho thuê trong một hợp đồng được phép chiếm 30% vốn tự có của mình (nếu như nguồn vốn này lớn), thậm chí cao hơn nữa nếu được cấp thẩm quyền cho phép tùy theo tính chất kỳ hạn mà họ huy động (4) Phương thức thanh toán tiền thuê của doanh nghiệp cũng rất linh hoạt, nó tùy thuộc vào sự thoả thuận giữa các bên trong hợp đồng thuê.

Như vậy, điều kiện cần thiết để phát huy ưu thế này đòi hỏi công ty có sự chuyên sâu kỹ thuật lĩnh vực mình hoạt động và có khả năng về vốn, thông tin, và tiếp cận được các dự án tốt. Những điểm này, không ai có điều kiện thuận lợi hơn để hỗ trợ công ty là ngân hàng mẹ vì họ thường xuyên có mối quan hệ dịch vụ thanh toán, tín dụng và lợi ích của công ty chính là lợi ích của họ - những chủ sở hữu. Do vậy, hoạt động này không chỉ tận dụng được những nguồn lực sẵn có và là biện pháp để các NHTM hoạt động đa năng mà nó còn được coi là một phương thức hỗ trợ vốn trung và dài hạn khi bản thân các NHTM không đáp ứng được do những quy định ràng buộc về thủ tục, hồ sơ, điều kiện vay vốn (tỷ lệ vốn tự có tham gia, tài sản thế chấp), đặc biệt là đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Để chuyên sâu vào nhiều lĩnh vực, ngành kinh



tế khác nhau xu hướng các NHTM sẽ phát triển các công ty cho thuê tài chính sẽ đa dạng hơn trong tương lai, kể cả các công ty con hoạt động đầu tư chứng khoán.

Thứ hai, tổng công ty Nhà nước thành lập các công ty tài chính để thực hiện một số việc riêng nhằm cung ứng nguồn tài trợ cho sản xuất hoặc tiêu thụ sản phẩm cho tập đoàn.

Mặc dù nội dung hoạt động của công ty tài chính khá đa dạng phong phú như: nhận tiền gửi các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp cùng ngành kinh tế kỹ thuật và cán bộ công tác tổ chức trong tổng công ty; phát hành tín phiếu, trái phiếu, vay các TCTD, tài chính trong và ngoài nước; vốn hình thành khác trong quá trình kinh doanh như nhận uỷ thác; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với thành viên hoặc ngoài thành viên; hùn vốn liên doanh, mua cổ phiếu; cung cấp các dịch vụ bảo quản chứng khoán, tư vấn cho khách hàng... song trong mối quan hệ với tổng công ty, các mặt hỗ trợ chủ yếu là: (1) huy động vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất, đây là một trong những yêu cầu bức xúc nhất đối với các DNNN hiện nay vì khả năng cung ứng vốn của các NHTM còn hạn chế về quy mô và mức áp dụng lãi suất còn cao. Do chuyên môn hoá cao nên việc huy động vốn qua công ty tài chính thường dễ dàng hơn so với doanh nghiệp tiến hành ... (2) Cho vay tiêu dùng để vừa kiếm lợi vừa hỗ trợ cho tổng công ty tiêu thụ sản phẩm thông qua các hình thức bán hàng trả chậm. Mục đích sản xuất của tổng công ty là để bán, vì thế, có thể nói, nghiệp vụ này có xu hướng phát triển mở rộng và lâu dài. Hơn nữa đây cũng là biện pháp để công ty đa dạng hoá tài sản có của mình, vì việc đầu tư, cho vay tập trung vào các thành viên mà lợi nhuận của nó diễn biến theo cùng

chiều là nguy cơ rủi ro lớn khi ngành này gặp khó khăn (3) Giúp quá trình quản lý sử dụng các nguồn lực sẵn có của tổng công ty một cách hiệu quả thông qua việc bảo đảm đầu tư vốn đúng định hướng, đúng công trình dự án, có điều kiện tận dụng nguồn nhân lực, thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất và khai thác triệt để sức mạnh của mình trên thị trường tài chính. Tóm lại, quá trình phát triển kinh tế và từng bước hoàn thiện môi trường pháp luật đã thúc đẩy sự hình thành và phát triển các công ty tài chính. Ưu thế và sự khác biệt đã tăng cường thêm tính hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau giữa công ty con với các "công ty mẹ" trong việc khai thác các nguồn lực sẵn có một cách có hiệu quả. Tuy nhiên, xu hướng phát triển kinh tế nói chung và lĩnh vực tài chính nói riêng, sự phát triển các công ty tài chính không chỉ dừng lại như hiện nay mà ở đó xuất hiện đa dạng hơn và sự phát triển đa dạng ngày càng tăng thêm vai trò thúc đẩy, khơi thông các nguồn vốn, liên kết và tạo điều kiện cho các tầng lớp dân cư thực hiện tiết kiệm - đầu tư phát triển kinh tế được phát huy mạnh mẽ hơn.

Khi tổng công ty tham gia vào thị trường chứng khoán thì công ty tài chính trong tổng công ty sẽ là trung gian tài chính đáng tin cậy đại diện cho các công ty thành viên tham gia thị trường chứng khoán.

Mục tiêu chủ yếu của công ty tài chính trong tổng công ty là khai thác mọi nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của tổng công ty và các công ty thành viên. Khi đã khai thác được các nguồn vốn, công ty tài chính là chức năng "phân phối vốn" cho các công ty thành viên. Là một đơn vị độc lập trong tổng công ty, công ty tài chính hoàn toàn bình đẳng với các

công ty thành viên và mối quan hệ giữa công ty tài chính là "vay, trả". Nhưng khác với việc vay, trả của các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại là ngoài những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ tín dụng còn có nguyên tắc "tương hỗ lẫn nhau". Tuy nhiên, nguyên tắc tín dụng là nguyên tắc chủ đạo và chính nguyên tắc này tạo nên chức năng quản lý, giám sát việc sử dụng vốn một cách có hiệu quả của công ty thành viên. Đây là điều khác biệt cơ bản giữa công ty tài chính trong tổng công ty với phòng tài chính của tổng công ty như hiện nay ở một số tổng công ty.

#### ***2.2.4. Công ty tài chính dầu khí.***

##### **\* Mục tiêu, phạm vi hoạt động**

Để hiện đại hoá và tăng năng lực sản xuất của ngành dầu khí, mục tiêu hoạt động của CTTCĐK là bảo đảm đủ vốn đầu tư phát triển của toàn ngành, đồng thời quản lý và sử dụng các nguồn vốn huy động được một cách có hiệu quả, bảo đảm hoàn trả lại vốn vay đúng thời hạn trên cơ sở cân đối vững chắc và linh hoạt tài chính của tổng công ty. Phạm vi hoạt động của CTTCĐK không chỉ bó hẹp trong nội bộ ngành mà còn cả trên thị trường tài chính trong và ngoài nước dưới các hình thức như: vay thương mại, vay tài trợ dự án, vay tín dụng xuất khẩu và tín dụng đầu tư, thuê mua, phát hành cổ phiếu, trái phiếu...

##### **\*Nhiệm vụ cụ thể:**

CTTCĐK hoạt động mang đặc thù riêng, phù hợp với đặc điểm của ngành dầu khí và có một số nhiệm vụ cụ thể sa

- Thu xếp vốn với những hình thức và phương pháp thích hợp về số lượng, thời gian, địa điểm, điều kiện vay trả... nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vốn của tổng công ty với chi phí thấp nhất.

- Đảm bảo việc đầu tư vốn đúng định hướng phát triển, đúng công trình và dự án, vừa có hiệu quả kinh tế cao, vừa đáp ứng được nhiệm vụ chính trị của ngành.

- Tham gia thẩm định hiệu quả dự án, công trình, tài sản được đầu tư bằng vốn của công ty cũng như của tổng công ty.

- Đảm bảo công tác điều hành vận động vốn của toàn tổng công ty một cách linh hoạt, gắn với kinh doanh tiền tệ.

- Huy động vốn thông qua các hình thức phát hành chứng khoán, bán thương phiếu, nhận tiền gửi có kỳ hạn của tổng công ty, các đơn vị thành viên, vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.

- Thay mặt tổng công ty và các đơn vị thành viên thương lượng và ký kết các hợp đồng tín dụng trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư của tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Tư vấn, dàn xếp tài chính cho các đơn vị thành viên trong quan hệ vay vốn với nước ngoài và quan hệ với các bên có liên quan về mặt tài chính đầu tư.

- Đại lý phát hành cổ phiếu, trái phiếu cho tổng công ty về các đơn vị thành viên.

- Tiếp nhận vốn uỷ thác đầu tư trong và ngoài nước.

- Triển khai nghiệp vụ thuê mua và bảo lãnh tín dụng nhỏ.

- Kinh doanh ngoại hối trong phạm vi dầu khí với các hình thức: lựa chọn để chuyển hoá ngoại tệ, thanh toán quốc tế trong hoạt động giữa tổng công ty, các đơn vị thành viên với các đối tác nước ngoài.

- Cho vay dài hạn kết hợp với các hoạt động tín dụng ngắn hạn sinh lời.

- Các nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.

Với mục tiêu và nhiệm vụ trên, CTTCĐK vẫn mang tính giúp việc cho tổng công ty, chịu sự điều hành trực tiếp của Ban lãnh đạo tổng công ty.

### **3. Những khó khăn hiện nay của các công ty tài chính.**

#### ***3.1. Đối với công ty cho thuê tài chính.***

Thứ nhất, việc hạch toán trả nợ vốn gốc và lãi đi thuê trước, sau kỳ hạn nợ: một hợp đồng CTTC thường có giá trị lớn (tối thiểu cũng hàng trăm triệu đồng đến hàng chục tỷ đồng), thời gian kéo dài (từ 2 năm trở lên đến hàng chục năm). Trong suốt thời gian đó, bên cho thuê và bên đi thuê thường thoả thuận định kỳ trả nợ (theo phụ lục đính kèm hợp đồng) theo một thời gian thống nhất (thường là hàng tháng, quý), với số tiền đã được tính trước cả gốc và lãi mà bên đi thuê phải trả. Cũng như hoạt động cho vay của ngân hàng, mục đích của mỗi món cho vay hay cho thuê là sau chu kỳ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thì NHTM công ty CTTC thu được đủ vốn gốc và lãi đúng hạn đã cam kết. Nhưng có sự khác biệt giữa cách tính lãi cho vay trung, dài hạn của hoạt động cho vay của ngân hàng và CTTC, đó là đối với NH, thì việc tính lãi dựa trên thời gian vay, nếu người đi vay trả trước vốn vay

thì lãi phải trả cũng giảm tương ứng với thời gian đó, nhưng đối với CTTC thì như trên đã nói, lãi được tính sẵn từng kỳ cùng với thời gian trả vốn gốc theo hợp đồng. Vấn đề đặt ra là nếu bên đi mua trả trước hạn thì lãi có được giảm tương ứng không, hay vẫn phải trả đủ theo hợp đồng, nếu thu đủ thì khách hàng có ý kiến hoặc không đồng ý (vì khi trả chậm thì phải gia hạn nợ, hoặc chuyển nợ quá hạn và lãi phải trả tính theo đúng kỳ hạn tương ứng). Nếu thu lãi theo thời gian trả trước (thấp hơn lãi trên hợp đồng) thì đúng đạo lý nhưng rất khó giải thích khi thanh tra, kiểm soát vì không có văn bản nào hướng dẫn.

Thứ hai, việc hạch toán phần giá trị tài sản cho thuê trả chậm cho nhà cung cấp: trong hoạt động các công ty CTTC, thường gặp là việc thanh toán trả chậm một phần giá trị tài sản cho thuê (đa số đối với tài sản nhập khẩu), giá trị và thời gian trả chậm phụ thuộc vào uy tín, vị thế của từng công ty CTTC, hoặc được sự bảo lãnh của ngân hàng mẹ hay của một NH nào khác. Vấn đề đặt ra là việc hạch toán vào TK CTTC và tính lãi toàn bộ giá trị tài sản (theo hợp đồng mua bán với nhà cung cấp), hay chỉ hạch toán vào TK CTTC và tính lãi phần giá trị mà công ty CTTC thực trả cho nhà cung cấp. Xung quanh vấn đề này còn nhiều ý kiến khác nhau mà chưa đi đến được sự thống nhất.

Thứ ba, việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động CTTC: đây là vấn đề được tranh luận khá sôi nổi và gay gắt từ trước khi Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) được thi hành. Công ty CTTC của các NHTM, công ty CTTC liên doanh, công ty CTTC 100% vốn nước ngoài nhóm họp nhiều lần và có khá nhiều văn bản được gửi tới các cơ quan hữu quan: NHNN Việt Nam, Bộ tài

chính, Tổng cục thuế... đặc biệt các công ty liên doanh, 100% vốn nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong hoạt động CTTC có văn bản trình Thủ tướng chính phủ với những đề xuất kiến nghị cụ thể, rõ ràng về việc áp dụng Luật thuế GTGT đối với các công ty CTTC nhưng không được Tổng cục thuế chấp nhận. Sau buổi họp với đồng chí Tổng cục phó Tổng cục thuế, và mới đây nhất là Bộ tài chính có công văn số 444 TC/TCT v/v: khấu trừ thuế GTGT hoạt động CTTC. Đây là giải pháp chưa thật thoả đáng, không tạo sự bình đẳng giữa doanh nghiệp vay vốn NH với đi thuê tài chính để đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị. Theo thông tư 89/1998/TT - BTC của Bộ tài chính quy định tại phần B, mục III, "thuế đầu vào của tài sản cố định được khấu trừ như sau:... Trường hợp số thuế đầu vào của tài sản cố định lớn, cơ sở được tính khấu trừ dần, nếu tính khấu trừ 3 tháng mà số thuế còn lại chưa được khấu trừ vẫn còn thì doanh nghiệp làm thủ tục yêu cầu cơ quan thuế xét hoàn lại số thuế chưa được khấu trừ", và đưa ra những ví dụ rất cụ thể. Trong thời gian tới, Bộ tài chính sẽ có thông tư hướng dẫn chi tiết thủ tục khấu trừ thuế GTGT cho các thuế doanh nghiệp đi thuê máy móc thiết bị của các công ty CTTC nên theo tinh thần của Thông tư 89/1998/TT - BTC nói trên mà không nên cho khấu trừ dần theo thời gian trả vốn trong suốt thời gian trả vốn trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng.

### ***3.2. Đối với các công ty tài chính trong Tổng công ty.***

Hiện nay, các công ty tài chính đang gặp phải những khó khăn là chưa có những cơ chế đầy đủ cho hoạt động của mô hình này, điều đó thể hiện ở chỗ các công ty tài chính chưa thực sự đóng vai trò điều hoà và khai thông các nguồn vốn nhằm tích tụ

đầu tư cho tổng công ty và các đơn vị thành viên trực thuộc, chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành chức năng về tài chính, kế toán của tổng công ty với công ty tài chính. Ngoài ra sự hoạt động của công ty tài chính còn chịu sự điều tiết của Bộ Tài chính và các cơ quan chức năng khác cho nên hiện nay mô hình công ty tài chính trong tổng công ty còn gặp không ít khó khăn trong việc thực hiện chức năng của mình.

Khó khăn tiếp theo là nguồn vốn. Theo quy chế hiện nay, các công ty tài chính chỉ được tiếp nhận các nguồn vốn trung và dài hạn. Nhưng với điều kiện hiện nay ở Việt Nam thì nguồn vốn này rất hạn chế. Các ngân hàng thương mại có chi nhánh trải rộng trên khắp toàn quốc ví vị thế và uy tín trong việc huy động vốn của dân chúng cũng gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động vốn trung và dài hạn.

Khó khăn tiếp theo công ty tài chính trong tổng công ty là đầu mối quan hệ tài chính của tổng công ty và các công ty thành viên với các nguồn tài chính quốc tế. Nhưng hiện nay các công ty tài chính trong tổng công ty chưa được mở tài khoản ngoại tệ để giao dịch. Một thực tế trong tổng công ty có nhiều công ty phải nhập nguyên liệu từ nước ngoài, nhu cầu về ngoại tệ rất lớn. Nhưng sản phẩm của các công ty này lại là nguyên liệu của công ty khác trong cùng tổng công ty và những công ty tiếp nhận nguyên liệu này lại xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài thu ngoại tệ. Để tạo sự chủ động cho tổng công ty, cần phải có cơ chế cho phép công ty tài chính trong tổng công ty thực hiện chức năng "điều hoà" sự bất cập này.



Một khó khăn nữa là "đầu ra" của công ty tài chính. Hiện nay, mục tiêu thành lập các công ty tài chính trong Tổng công ty nhằm khai thác mọi nguồn vốn để hỗ trợ cho các công ty công ty thành viên. Theo Điều 79 Luật của các tổ chức tín dụng thì tổng dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn tự có, nhưng số khách hàng trong tổng công ty hạn chế, bản thân khái niệm một khách hàng cũng chưa xác định được rõ ràng: cả tổng một khách hàng cũng chưa xác định được rõ ràng: cả tổng công ty là một khách hàng hay mỗi công ty thành viên là một khách hàng.

Với những dự án đầu tư lớn, công ty tài chính chưa được phép cho vay vốn, trong khi các công ty tài chính trong tổng công ty có điều kiện nắm chắc khả năng thực hiện những dự án này. Nếu cho phép công ty tài chính đứng ra cho vay vốn cùng với các tổ chức tín dụng khác thì sẽ đạt hiệu quả cao. Một nghiệp vụ giúp cho các công ty tài chính trong các tập đoàn ở các nước phát triển là việc tài trợ vốn cho những khách hàng tiêu thụ sản phẩm của các công ty thành viên. Nghiệp vụ này ở Việt Nam chưa được chú trọng, khai thác hết điểm mạnh giúp công ty tài chính phát triển.

Hiện nay, chưa có một quy định về chế độ hạch toán, kế toán áp dụng cho các công ty tài chính cũng là một khó khăn không nhỏ.

Mô hình công ty tài chính trong tổng công ty ở Việt Nam rất mới mẻ, các cán bộ của công ty này phần lớn chưa trải qua kinh nghiệm, hơn nữa để có tâm hoạt động rộng, các công ty tài chính trải rộng cán bộ rải rác, ở các công ty thành viên trong tổng công ty cũng khó khăn cho các công ty tài chính.

### **III. NHỮNG GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với các công ty cho thuê tài chính.**

Để nghiệp vụ cho thuê tài chính cũng như hoạt động của các công ty tài chính được mở rộng và phát triển được ở Việt Nam cần giải quyết một số vấn đề sau:

- Cần có sự thống nhất trong nhận thức cũng như trong hoạt động ở các cơ quan doanh nghiệp khi thực hiện nghiệp vụ này.

- Công ty thuê mua tài chính đăng ký lại doanh nghiệp trong cơ cấu thành viên của các NHTM quốc doanh hay là doanh nghiệp độc lập trực thuộc ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Ngân hàng cần qui định và hướng dẫn chế độ hạch toán ở các công ty thuê mua. Hiện nay các doanh nghiệp thuê hạch toán vào phí, không hạch toán vào tài sản cố định, khi chuyển quyền sở hữu, hạch toán vào tài sản cố định nhưng có thể giảm khấu hao để hạ giá thành.

- Về thủ tục đăng ký quyền sở hữu, cần mở rộng ra các loại tài sản (hiện nay chỉ đăng ký đối với các phương tiện giao thông) giúp công ty quản lý trong thời gian cho thuê hết thời hạn cho thuê tài sản chuyển quyền sở hữu cho bên thuê nên thu lệ phí ở mức thấp nhất hoặc không thu bởi trên thực tế chính người sử dụng đã trả lệ phí trong số tiền thuê mua.

- Để tránh rủi ro các bên thống nhất mua loại phí bảo hiểm nào đó để bảo đảm lợi ích cho cả hai bên, phí bảo hiểm chủ sở hữu mua, rủi ro được bồi thường chủ sở hữu có trách nhiệm phục hồi tài sản.

- Mở rộng hơn thuê mua về giá trị, loại tài sản, áp dụng thử nghiệm một số hình thức cho thuê vận hành, thuê tài sản, như thông lệ quốc tế. Mở rộng phạm vi áp dụng hình thức này cho dân cư như đầu tư máy nông nghiệp tới hộ nông dân, xây các căn hộ ở đô thị, nhà ở vùng đồng bằng sông Cửu Long theo mẫu của người thuê.

- Tham gia xử lý nợ như trường hợp của công ty thuê mua và đầu tư thuộc Ngân hàng ngoại thương xiết nợ nhà của công ty Minh Phụng, sau đó ch công ty Minh Phụng thuê lại theo hợp đồng thuê mua.

- Tìm ra mối quan hệ giữa các nguồn vốn thông qua công ty thuê mua để giải ngân theo các nguyên tắc của hợp đồng thuê mua một hay nhiều bên như nguồn vốn ODA cho vay lại vốn tín dụng của ngân sách nhà nước. Theo phương pháp này thì vẫn bảo toàn được nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp, mà khả năng thất thoát vốn rất thấp, hiệu quả đồng vốn cao hơn so với các hình thức thông thường.

Để tránh thua thiệt trong các hợp đồng thuê mua với nước ngoài, các thiết bị nhập khẩu nhất thiết phải có sự thẩm định và kiểm tra khi hàng về làm thủ tục hải quan. Những sai sót dẫn tới thua thiệt suy cho cùng đất nước bị thiệt hại.

- Trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước tại Nghị định 28/CP ngày 7/5/1996, chúng tôi đề nghị Nhà nước hướng dẫn rõ hơn điểm 2 và 3 của Điều 9, có thể áp dụng hình thức thuê mua tài sản của doanh nghiệp công ty cho thuê tài chính có thể cho cổ đông thuê mua cổ phần?

## **2. Đối với các công ty tài chính trong Tổng công ty.**

Để tạo sự bình đẳng trong hoạt động giữa các loại hình công ty tài chính và hướng tới sự phát triển sau này của các tổng công ty Nhà nước theo hướng phát triển thành tập đoàn kinh tế có vai trò chi phối trong nền kinh tế cần sửa đổi bổ xung cơ chế tài chính của tổng công ty theo hướng chuyển mô hình tổng công ty sang hoạt động mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định trong luật doanh nghiệp, đồng thời bổ sung những cơ chế, chính sách mới nhằm mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh ở các lĩnh vực tạo vốn, điều phối và quản lý vốn của công ty tài chính trong các tổng công ty theo hướng sau:

- Tổng công ty nhận vốn của Nhà nước và đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thành viên thông qua công ty tài chính. Tổng công ty chi phối doanh nghiệp thành viên theo tỷ lệ vốn đầu tư và doanh nghiệp thành viên chia lại cho tổng công ty theo tỷ lệ vốn góp.

- Cho phép công ty tài chính trong tổng công ty có phạm vi hoạt động như công ty tài chính cổ phần. Công ty tài chính được huy động vốn thông qua các hình thức: nhận tiền gửi có kỳ hạn trên một năm, phát hành tín phiếu, trái phiếu có mục đích, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá trị khác, vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước, các loại vốn được hình thành trong quá trình hoạt động và sử dụng các loại vốn khác... để bổ sung nguồn vốn hoạt động của công ty tài chính vì nguồn vốn hiện có chỉ dựa vào vốn tự có của công ty, tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm và vốn vay...

- Cho phép công ty tài chính trong tổng công được tiếp nhận và sử dụng vốn uỷ thác đầu tư của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Hình thức này sẽ giúp công ty tài chính đầu tư một lúc vào nhiều doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty tập hợp vốn từ nhiều nguồn thích hợp với những công trình đầu tư trọng điểm cần vốn lớn đồng thời tạo điều kiện cho các chủ đầu tư lựa chọn và đầu tư theo định hướng phát triển và chính sách của chính phủ.

- Các công ty tài chính cũng phải chịu trách nhiệm vật chất về việc quản lý nguồn vốn Nhà nước giao cho, có nhiệm vụ cho vay như các doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, nhưng lãi suất vay cho vay hơn lãi suất vay ngân hàng.

- Để tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện cho công ty tài chính phát huy hết thế mạnh của mình, Nhà nước cần phải xem xét tăng cường hơn nữa tính độc lập của công ty tài chính đối với tổng công ty và nên chăng cho phép các công ty tài chính trong tổng công ty thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại trừ nghiệp vụ thanh toán.

- Một điều không thể thiếu được để tạo lập sự vững mạnh trong hoạt động của các công ty là cần phải có kế hoạch đào tạo cán bộ cho các công ty tài chính, một mô hình hoạt động hoàn toàn mới mẻ ở Việt Nam.

Một câu hỏi được đặt ra là hoạt động kinh doanh tiền tệ của các công ty tài chính có gây rủi ro cho công chúng và làm mất an toàn hệ thống ngân hàng không? Trước hết, nếu việc huy động và sử dụng vốn của các công ty này được quy định và quản lý chặt chẽ thì mức độ rủi ro gây ra cho công chúng là rất thấp, trừ khi

khủng hoảng tiền tệ xảy ra. Thứ hai, trong sử dụng vốn họ chỉ được phép đầu tư vào thị trường tài chính và chủ yếu đầu tư vào công cụ nợ, hạn chế đầu tư vào công cụ vốn. Thứ ba không cho phép các định chế này thực hiện việc cho vay như ngân hàng thương mại. Nếu như vậy thì việc kinh doanh của các định chế này rất ít gây rủi ro cho công chúng và không gây mất mát an toàn cho hệ thống ngân hàng.

- Cần phải có sự quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh tiền tệ của các công ty này và việc quản lý cũng không khác gì quản lý hoạt động của một tổ chức tín dụng.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Lý thuyết tài chính tiền tệ .
2. Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính (FREDERIC S. MISHKIN)
3. Tạp chí Tài chính.
4. Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ.
5. Tạp chí Ngân hàng.
6. Hoạt động đầu tư tài chính trong nền kinh tế thị trường.
7. Tạp chí thông tin Bưu điện.
8. Tạp chí kinh tế phát triển.